

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM
KHOA LUẬT



HOÀNG NGỌC ANH

Lớp : LKT 12 - 01khóa:12

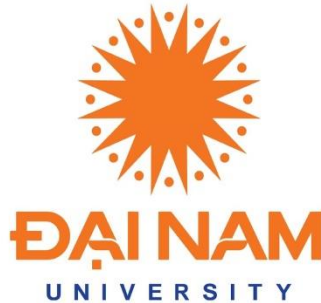
GIẢI THỂ DOANH NGHIỆP. THỰC TRẠNG VÀ
GIẢI PHÁP

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC
CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ

Giảng viên hướng dẫn: TS. Đỗ Gia Thư

HÀ NỘI 2022

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM
KHOA LUẬT



HOÀNG NGỌC ANH

Lớp : LKT 12 – 01 khóa 12

GIẢI THỂ DOANH NGHIỆP. THỰC TRẠNG VÀ
GIẢI PHÁP

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC
CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ

Giảng viên hướng dẫn : TS. Đỗ Gia Thư

Nơi thực hiện đề tài : Trường Đại học Đại Nam

Thời gian thực hiện : 21/03 – 27/05/2022

HÀ NỘI 2022

BẢN CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đề tài nghiên cứu “Giải thể doanh nghiệp – Thực trạng và giải pháp” là đề tài nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu và kết quả trong khóa luận là hoàn toàn trung thực và chưa từng có ai công bố trong bất kỳ công trình nghiên cứu nào khác

Hà Nội, ngày tháng năm

Tác giả

Hoàng Ngọc Anh

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành khóa luận này trước hết em xin gửi đến quý thầy, cô giáo trong khoa Luật trường Đại học Đại Nam lời cảm ơn chân thành.

Thành công của bất cứ cá nhân nào đều phải có sự hỗ trợ, giúp đỡ dù ít hay nhiều, dù trực tiếp hay gián tiếp, thậm trí là những lời động viên trong suốt thời gian vừa qua cũng đã tạo nên được những động lực để cá nhân đó luôn có đủ sức mạnh mẽ để hoàn thành mục tiêu và dự định của mình.

Thời gian 4 năm học nó cũng không phải quá ngắn cũng như quá dài nhưng chính khoa Luật trường Đại học Đại Nam đã cho em kiến thức cũng như đam mê hơn nữa để viết tiếp ước mơ của mình. Và em Hoàng Ngọc Anh một sinh viên năm cuối của khoa Luật- chuyên ngành Luật Kinh tế của Trường Đại học Đại Nam. Tại đây ngoài các kỹ năng chuyên môn được học tập từ các thầy cô trong khoa Luật và các cán bộ giảng viên của Trường Đại học Đại Nam, em còn được trải nghiệm nhiều điều như kỹ năng sống, kỹ năng làm nghề trong tương lai. Trải qua nhiều giai đoạn của sinh viên từ thời điểm chập chững bước chân vào ngưỡng cửa của giảng đường Đại học tới những buổi học trực tuyến chỉ được gặp thầy cô và các bạn qua màn hình máy tính, di động, ... Nhưng nó không phải vấn đề gì, nó cũng không ngăn nổi tinh thần yêu nghề của các thầy cô dành cho sinh viên. Mỗi buổi học đối với em nó là một trải nghiệm mà có khi sau này cũng khó long lay lại được những kỉ niệm đó.

Đặc biệt em xin cảm ơn thầy Đỗ Gia Thư người đã giúp đỡ em hoàn thành khóa luận “Giải thể Doanh nghiệp. Thực trạng và Giải pháp” này một cách hoàn chỉnh. Trong quá trình hoàn thành khóa luận này em đã vớ lẽ ra được nhiều điều mà mình còn thiếu sót. Cũng từ đây em đã rút ra được kinh nghiệm cho bản thân mình những kinh nghiệm cũng như kiến thức cho lĩnh vực này.

Sau cùng em kính chúc thầy Đỗ Gia Thư cùng quý thầy cô trong khoa Luật cũng như các thầy cô của trường Đại học Đại Nam sức khỏe dồi dào vững tay chèo để đưa được nhiều chuyến đò hơn nữa!

DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU VÀ CHỮ CÁI VIẾT TẮT

Viết tắt	Nội dung
CTCP	Công ty cổ phần
DN	Doanh nghiệp
DNTN	Doanh nghiệp tư nhân
ĐKKD	Đăng ký kinh doanh
GCNĐKDN	Giấy nhận đăng ký doanh nghiệp
HAGL	Hoàng Anh Gia Lai
KTTT	Kinh tế thị trường
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TANDTC	Tòa án Nhân dân tối cao
XHCN	Xã hội chủ nghĩa

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài	1
2. Tình hình nghiên cứu.....	2
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	3
4. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu	3
5. Phương pháp nghiên cứu	3
6. Bố cục của đề tài.....	3
CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ GIẢI THỂ DOANH NGHIỆP TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG	4
1.1. Khái niệm giải thể Doanh nghiệp.....	4
1.1.2 Các trường hợp giải thể Doanh nghiệp.....	4
1.2 Những tác động đối với thị trường của việc giải thể doanh nghiệp	7
1.3 Pháp Luật về giải thể Doanh nghiệp tại Việt Nam.....	9
1.3.1 Quá trình hình thành của pháp luật về giải thể Doanh nghiệp ở Việt Nam	9
1.3.2. Pháp luật về giải thể doanh nghiệp ở Việt Nam	12
1.3.4. Về trình tự, thủ tục giải thể doanh nghiệp	15
1.3.5. Về hồ sơ giải thể	19
1.3.6. Về trách nhiệm, quyền hạn và lợi ích của các bên có liên quan	21
1.4. Các quy định về giải thể của các nước, khu vực trên thế giới.....	23
1.4.1. Pháp luật về giải thể của Hoa kỳ	23
1.4.2. Quy định về giải thể của một số quốc gia Châu Âu	26
1.4.3. Quy định về giải thể của một số quốc gia Châu Á	32
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG THI HÀNH PHÁP LUẬT GIẢI THỂ DOANH NGHIỆP Ở VIỆT NAM	36
2.1. Thực trạng giải thể doanh nghiệp ở Việt Nam trong thời gian vừa qua.....	36
2.2. Những bất cập của các quy định Luật doanh nghiệp 2020 về giải thể doanh nghiệp.....	38
2.3. Thực trạng áp dụng pháp luật về giải thể doanh nghiệp ở Việt Nam.....	40

2.3.1. Khái quát tình hình áp dụng pháp luật về chấm dứt doanh nghiệp ở Việt Nam trong thời gian qua.....	40
2.3.2. Đánh giá những yếu tố ảnh hưởng đến việc thực thi pháp luật về giải thể doanh nghiệp hiện nay ở Việt Nam.....	43
2.3.3. Về chế tài xử lý đối với người quản lý của doanh nghiệp giải thể.....	44
2.3.4. Chưa có cơ chế cho phép khôi phục tình trạng pháp lý của doanh nghiệp sau khi bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.....	45
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC THI PHÁP LUẬT VỀ GIẢI THỂ DOANH NGHIỆP Ở VIỆT NAM	46
3.1. Yêu cầu hoàn thiện pháp luật và thực thi pháp luật về giải thể của doanh nghiệp ở Việt Nam.....	46
3.1.1. Giải pháp về hoàn thiện pháp luật	47
3.2. Các giải pháp hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về giải thể của doanh nghiệp Việt Nam.....	48
3.2.1. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật	48
KẾT LUẬN	53
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	54

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay nước ta ngày càng có nhiều doanh nghiệp được thành lập. Nhưng trên thực tế có rất nhiều thương nhân khi đăng ký kinh doanh vì những lý do khác nhau đã không tiến hành hoạt động kinh doanh hoặc đang kinh doanh nhưng không tiếp tục kinh doanh nữa mà không thông báo tạm ngừng hoạt động hoặc không giải thể doanh nghiệp do thủ tục giải thể phức tạp và mất nhiều thời gian. Việc này để lại những hậu quả rất lớn cho công tác quản lý doanh nghiệp của Nhà nước cũng như chính các thương nhân.

Tuy nhiên, ở góc độ pháp lý, sự chấm dứt đó là một sự kiện pháp lý có tác động rất lớn đến quyền và lợi ích của các chủ thể khác cũng như đến sự vận hành chung của thị trường. Để bảo vệ quyền và lợi ích của các chủ thể liên quan và đảm bảo sự vận hành ổn định cho thị trường, nhà nước đã thiết lập cơ sở pháp lý về rút lui khỏi thị trường bên cạnh các quy định về gia nhập và hoạt động của doanh nghiệp trên thị trường.

Kể từ khi chuyển sang nền KTTT, các quy định về giải thể của doanh nghiệp đã được quan tâm xây dựng. Ngay từ những đạo luật đầu tiên về doanh nghiệp (Luật Công ty năm 1990, Luật DNTN năm 1990) cho đến các luật doanh nghiệp sau này (Luật Doanh nghiệp năm 1999, Luật Doanh nghiệp năm 2005, Luật Doanh nghiệp năm 2014 và mới đây nhất là Luật Doanh nghiệp 2020), các quy định về giải thể doanh nghiệp đã được xây dựng và từng bước hoàn thiện.

Các quy định này đã phát huy vai trò nhất định trên thực tế. Kể từ khi Luật Doanh nghiệp 2020 có hiệu lực thi hành, số doanh nghiệp lựa chọn các hình thức chấm dứt doanh nghiệp theo thủ tục giải thể và phá sản ngày càng nhiều. Hơn 85 nghìn Doanh nghiệp giải thể trong vòng 8 tháng năm 2021 theo thống kê của Cục quản lý đăng ký kinh doanh (Bộ kế hoạch và Đầu tư) tăng 24,4% so với cùng kỳ.

Tuy nhiên, các con số về doanh nghiệp giải thể, phá sản nêu trên chưa phản ánh hết bức tranh về chấm dứt doanh nghiệp trên thực tế. Số lượng doanh nghiệp thực tế chấm dứt hoạt động nhưng không tiến hành bất kỳ thủ tục nào để chấm dứt hoạt động vẫn chiếm một số lượng lớn. Điều này, một mặt, gây ra những tác động tiêu cực không chỉ đến công tác quản lý mà còn ảnh hưởng đến quyền của các chủ thể liên quan, tác động

xấu đến sự vận hành bình thường của thị trường mà còn cho thấy các quy định về chấm dứt hoạt động của doanh nghiệp chưa thực sự phát huy hiệu lực và hiệu quả.

Việt Nam tham gia ngày càng sâu, rộng vào nền kinh tế thế giới thông qua các hoạt động đầu tư ra ngoài nước và tiếp nhận đầu tư nước ngoài, các hoạt động thương mại quốc tế ở tầm doanh nghiệp và quốc gia (tham gia các tổ chức thương mại khu vực và quốc tế, ký kết các hiệp định thương mại tự do song phương, đa phương). Thực tế này đặt ra sức ép ngày càng lớn về đảm bảo tính hài hoà và khả năng thực thi của các quy định pháp luật về điều tiết thị trường, trong đó có các quy định về rút khỏi thị trường. Giám sát hiệu quả quá trình gia nhập và rút khỏi thị trường của doanh nghiệp giúp đảm bảo lợi ích tốt nhất của tất cả các chủ thể trên thị trường và đảm bảo sự vận hành hiệu quả của thị trường. Việc nhìn nhận các hạn chế trong quá trình thực thi quy định hiện hành về giải thể của doanh nghiệp, tìm hiểu nguyên nhân và tìm kiếm các giải pháp hoàn thiện là yêu cầu cấp bách.

Vì các lý do trên nên tôi đã chọn đề tài “Giải thể Doanh nghiệp, thực trạng và giải pháp”.

2. Tình hình nghiên cứu

Xuất phát từ tầm quan trọng của chế định về giải thể doanh nghiệp đối với nền kinh tế xã hội nên trong thời gian vừa qua cũng đã nhận được nhiều sự quan tâm nghiên cứu của nhiều tác giả trong và ngoài nước ở nhiều góc độ và bình diện khác nhau. Có thể kể đến một số công trình nghiên cứu tiêu biểu sau: Giáo trình Luật Thương mại 1, Giáo trình, sách chuyên khảo: Trường Đại học Luật Hà Nội (2016), Giải thể doanh nghiệp hiện nay theo pháp luật hiện hành và thực tiễn áp dụng công ty JM của tác giả Hoàng Thị Huế (2015), ...

Các bài báo các tạp trí khoa học: Một số vấn đề giải thể doanh nghiệp Tạp trí tòa án Nhân dân (số 19/2015); Thực trạng và giải pháp, Tạp trí Công Thương (số 7/2016)

Phần lớn các công trình nghiên cứu, các bài viết trên tập chung nghiên cứu và phân tích và đánh giá các quy định về giải thể doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2005 và 2014.

Trên cơ sở thực tiễn trên việc áp dụng pháp luật giải thể doanh nghiệp theo pháp luật hiện hành (Luật Doanh nghiệp 2020) còn chưa được chặt chẽ vẫn còn nhiều luật cũng như nghị định chồng chéo lên nhau.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng: Các doanh nghiệp trên phạm vi cả nước

Đề tài chỉ tập trung nghiên cứu những vấn đề liên quan đến việc giải thể của doanh nghiệp trên lãnh thổ Việt Nam. Đề tài không đặt ra vấn đề nghiên cứu các trường hợp chấm dứt doanh nghiệp thông qua mua bán, sáp nhập doanh nghiệp hay chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện thương mại tại Việt Nam hay việc chấm dứt của doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ra nước ngoài.

4. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục tiêu chung: Đánh giá tình hình thực thi các quy định pháp luật của Việt Nam về chấm dứt hoạt động của doanh nghiệp để xác định các nguyên nhân của bất cập và làm rõ các yêu cầu hoàn thiện pháp luật, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam hội nhập ngày càng sâu hơn vào các quan hệ kinh tế quốc tế.

Mục tiêu cụ thể:

- Khái quát những vấn đề lý luận về chấm dứt hoạt động của doanh nghiệp, chỉ ra những điểm tương đồng và khác biệt giữa giải thể doanh nghiệp và phá sản doanh nghiệp.
- Đánh giá về tình hình thực thi các quy định pháp luật của Việt Nam về chấm dứt hoạt động của doanh nghiệp và đánh giá các nguyên nhân bất cập.
- Đề xuất các giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật đáp ứng bối cảnh hội nhập.

5. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp phân tích, tổng hợp: được sử dụng để xử lý các dữ liệu thu thập được từ các kết quả thống kê, hệ chuyên đề, thông tin, tài liệu liên quan.

6. Bố cục của đề tài

Đề tài gồm 3 chương

- Chương 1: Một số vấn đề lý luận và pháp luật về giải thể doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường
- Chương 2: Thực trạng thi hành pháp luật giải thể doanh nghiệp ở Việt Nam
- Chương 3: Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về giải thể doanh nghiệp ở Việt Nam

CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ GIẢI THỂ DOANH NGHIỆP TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

1.1. Khái niệm giải thể Doanh nghiệp

Giải thể là chỉ sự không còn tồn tại, làm cho chủ thể không còn đủ điều kiện để hoạt động, giải thể đồng nghĩa với việc ngừng hoạt động, giải tán.

Giải thể doanh nghiệp là việc chấm dứt sự tồn tại và hoạt động của một doanh nghiệp, công ty theo ý chí của doanh nghiệp và sự can thiệp của cơ quan chức năng có thẩm quyền phê duyệt.

Giải thể Doanh nghiệp theo luật Doanh nghiệp 2020

Giải thể doanh nghiệp được hiểu là việc chấm dứt tư cách pháp nhân và các quyền, nghĩa vụ liên quan của doanh nghiệp. Theo khoản 6 Điều 41 Nghị định 01/2021/NĐ-CP, giải thể doanh nghiệp chỉ tình trạng pháp lý của doanh nghiệp đã hoàn thành thủ tục giải thể theo quy định và được Phòng đăng ký kinh doanh cập nhật tình trạng pháp lý theo khoản 8 Điều 208, khoản 5 Điều 209 Luật Doanh Nghiệp 2020.

Như vậy, có thể hiểu giải thể doanh nghiệp là một thủ tục hành chính, theo đó doanh nghiệp tự tiến hành việc thanh lý doanh nghiệp của mình khi thuộc các trường hợp giải thể theo quy định của pháp luật. Doanh nghiệp có quyền chủ động trong việc thực hiện thủ tục trả nợ và thanh lý các hợp đồng trong quá trình giải thể. Tuy nhiên, pháp luật cũng đưa ra các yêu cầu nhất định về mặt trình tự, thủ tục để doanh nghiệp tiến hành thanh lý, đặc biệt là trong trường hợp giải thể bắt buộc

1.1.2 Các trường hợp giải thể Doanh nghiệp

Trong quá trình hoạt động trên thị trường, có rất nhiều tình huống dẫn tới sự giải thể tồn tại và hoạt động của doanh nghiệp. Những người chủ doanh nghiệp có thể không muốn tiếp tục duy trì doanh nghiệp do không thấy hiệu quả, hoặc vì các lý do khác và đi đến quyết định giải thể doanh nghiệp. Cũng có những trường hợp, doanh nghiệp không còn đủ điều kiện để tồn tại dẫn đến phải chấm dứt. Tùy vào tiêu chí sử dụng, việc chấm dứt doanh nghiệp có thể có nhiều cách phân chia khác nhau. Căn cứ vào việc xử lý các quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp chấm dứt, các trường hợp chấm dứt hoạt động của doanh nghiệp sẽ bao gồm việc chấm dứt không có sự kế thừa quyền và nghĩa vụ và việc chấm dứt có sự kế thừa quyền và nghĩa vụ:

Theo khoản 1 Điều 207 Luật DN, doanh nghiệp bị giải thể trong 4 trường hợp sau đây:

- Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
- Theo nghị quyết, quyết định của chủ doanh nghiệp đối với doanh nghiệp tư nhân, của Hội đồng thành viên đối với công ty hợp danh, của Hội đồng thành viên, chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần;
- Công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật này trong thời hạn 06 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;
- Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác.

Dựa vào điều khoản trên, có thể thấy việc giải thể doanh nghiệp sẽ diễn ra trong hai trường hợp:

- Giải thể tự nguyện:

+ Giải thể tự nguyện là kết quả của các quyết định kinh doanh, nghĩa là khi (các) chủ sở hữu thấy rằng việc tồn tại của doanh nghiệp là không còn cần thiết, hoặc doanh nghiệp đã không thực hiện hoặc thực hiện không có hiệu quả các mục tiêu kinh doanh mà (các) chủ sở hữu đặt ra hoặc mong đợi. Theo điểm a, b khoản 1 Điều 207 Luật DN, doanh nghiệp giải thể tự nguyện khi kết thúc thời hạn hoạt động mà không gia hạn hoặc theo nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu doanh nghiệp.

+ Thời điểm giải thể doanh nghiệp có thể do (các) chủ sở hữu định trước bằng cách quy định thời hạn hoạt động của doanh nghiệp trong Điều lệ và hết thời hạn đó mà không gia hạn hoặc có thể không được phép gia hạn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Đối với trường hợp giải thể bằng quyết định của (các) chủ sở hữu khi doanh nghiệp đang hoạt động, đó phải là quyết định của chính chủ sở hữu (đối với doanh nghiệp một chủ) và cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của các chủ sở hữu (đối với doanh nghiệp có từ hai chủ sở hữu trở lên) theo trình tự, thủ tục mà pháp luật và Điều lệ doanh nghiệp đó quy định

- Giải thể bắt buộc:

+ Trường hợp bắt buộc doanh nghiệp phải giải thể đó là trường hợp doanh nghiệp không còn đáp ứng các điều kiện để tiếp tục hoạt động hay vi phạm các quy định của

pháp luật. Cụ thể, theo điểm c, d khoản 1 Điều 207 Luật DN, doanh nghiệp bắt buộc phải giải thể khi công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật này trong thời hạn 06 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;

+ Hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác. Đối với trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người quản lý có liên quan và doanh nghiệp cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ của doanh nghiệp.

Năng lực quản lý, điều hành doanh nghiệp của các cá nhân, tổ chức còn hạn chế, thiếu kinh nghiệm trong việc quản lý, điều hành doanh nghiệp khiến tình hình kinh doanh của doanh nghiệp ngày càng đi xuống và không thể phát triển.

Do nguyên nhân khác như thiếu vốn sản xuất kinh doanh, không tìm kiếm được thị trường hoặc đang thuộc diện bán hoặc chờ tổ chức lại loại hình doanh nghiệp. Nhiều doanh nghiệp thường liên kết với các doanh nghiệp khác nếu không muốn nói là phụ thuộc vào doanh nghiệp khác để có thể hoạt động được, dẫn đến việc doanh nghiệp không thể tự chủ được vốn, cũng như thị trường, hậu quả là doanh nghiệp không thể tiếp tục hoạt động được.

Do khó khăn của nền kinh tế, sức cạnh tranh giảm sút, nhu cầu thị trường xuống thấp nên nhiều doanh nghiệp đang có xu hướng co cụm, tìm cách sáp nhập hợp nhất với nhau để tăng sức mạnh hoặc bị chính các đối thủ cạnh tranh thôn tính, rồi không thể tiếp tục hoạt động nên buộc phải giải thể công ty.

Do các doanh nghiệp thiếu các chiến lược để kinh doanh hiệu quả như tổ chức các chương trình khuyến mại, quảng cáo, giới thiệu sản phẩm, các ưu đãi khi khách hàng sử dụng sản phẩm, dịch vụ của công ty... Điều này dẫn đến việc doanh nghiệp này sẽ bị các doanh nghiệp khác đẩy lùi về phía sau, không có cơ hội phát triển, không tìm kiếm được khách hàng để có thể duy trì hoạt động kinh doanh.

Việc chấm dứt trong trường hợp không có sự kế thừa quyền và nghĩa vụ. Giải thể là việc chấm dứt hoạt động của doanh nghiệp khi đảm bảo thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài chính khác. Việc giải thể doanh nghiệp là một thủ tục hành chính được thực hiện tại cơ quan ĐKDN. Việc giải thể có thể là tự nguyện hoặc bắt buộc. Giải thể tự nguyện xảy ra khi chủ doanh nghiệp, vì một lý do nào đó, không muốn doanh nghiệp tiếp

tục tồn tại mặc dù vẫn đủ điều kiện tồn tại. Việc giải thể sẽ được thực hiện theo quyết định của cá nhân chủ doanh nghiệp đối với DNTN, của tất cả thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh, của Hội đồng thành viên, chủ sở hữu công ty đối với công ty TNHH, của Đại hội đồng cổ đông đối với CTCP. Đây là trường hợp giải thể hoàn toàn mang tính chất tự nguyện, theo ý chí của chủ doanh nghiệp.

Giải thể bắt buộc là trường hợp doanh nghiệp không đáp ứng được điều kiện để tồn tại theo quy định của pháp luật và phải giải thể. Cụ thể, doanh nghiệp bắt buộc phải giải thể nếu thuộc một trong các trường hợp sau: Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn; Công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật này trong thời hạn 06 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp; Bị thu hồi GCNĐKDN và giải thể theo quyết định của Toà án. Dù là tự nguyện hay bắt buộc, việc giải thể đều phải được thực hiện trên cơ sở hoàn tất các nghĩa vụ với các chủ thể liên quan và trên cơ sở đó, việc chấm dứt doanh nghiệp chỉ đòi hỏi sự công nhận về mặt pháp lý, thông qua một thủ tục hành chính

1.2 Những tác động đối với thị trường của việc giải thể doanh nghiệp

Việc giải thể một doanh nghiệp là sự chấm dứt của một thực thể tồn tại trên thị trường và điều đó tác động đến hàng loạt các chủ thể khác trên thị trường đang có quan hệ với doanh nghiệp.

Thứ nhất, tác động đến các đối tác kinh doanh của doanh nghiệp khi giải thể. Có thể dễ dàng nhận thấy chủ thể đầu tiên chịu sự tác động của việc giải thể doanh nghiệp là những đối tác có quan hệ làm ăn với doanh nghiệp. Đó có thể là chủ nợ, con nợ, đối tác hợp tác đầu tư kinh doanh, nhà cung cấp hoặc bên tiêu thụ hàng hoá, dịch vụ của doanh nghiệp. Đối với chủ nợ, việc doanh nghiệp giải thể có nghĩa là không còn chủ thể chịu trách nhiệm về khoản nợ nếu như nó không được thanh toán trước khi doanh nghiệp giải thể, dẫn đến những tổn thất tài chính cho chủ nợ. Đối với con nợ, khi doanh nghiệp giải thể hoạt động thì tức là không còn người để trả nợ. Chính vì vậy, không loại trừ khả năng trước khi giải thể, doanh nghiệp chấm dứt tẩu tán tài sản thông qua các hợp đồng cho vay tài sản. Đối với các nhà cung cấp, việc doanh nghiệp giải thể không chỉ làm mất đi một khách hàng mà còn là các hợp đồng đang thực hiện trở nên dở dang vì không có người tiếp nhận hàng hoá, dịch vụ theo thoả thuận trong hợp đồng...

Thứ hai, tác động đến người lao động: doanh nghiệp giải thể có nghĩa là sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến những người lao động trong doanh nghiệp ấy. Khi một doanh nghiệp giải thể thì cơ quan có thẩm quyền sẽ yêu cầu doanh nghiệp phải thực hiện những nghĩa vụ của doanh nghiệp với người lao động như thanh toán tiền lương, nộp bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội. Có hai trường hợp xảy ra:

- Một là, trường hợp doanh nghiệp thanh toán hết các quyền lợi của người lao động khi tiến hành giải thể. Trong trường hợp này, người lao động sẽ được bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp nhưng vẫn bị mất việc làm, phải tìm việc làm khác gây khó khăn cho người lao động.

- Hai là, trường hợp doanh nghiệp giải thể không theo quy định pháp luật (doanh nghiệp bỏ trốn) thì hầu hết tất cả những người lao động đều bị nợ lương, nợ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội. Điều này ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống của người lao động như mất việc làm, mất nguồn thu nhập nuôi sống gia đình và không được đảm bảo quyền lợi về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế của người lao động.

- *Thứ ba*, tác động đến người tiêu dùng: Người tiêu dùng là người mua, sử dụng hàng hóa, dịch vụ cho mục đích tiêu dùng, sinh hoạt của cá nhân, gia đình, tổ chức. Khi doanh nghiệp giải thể hoạt động thì các quyền và lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng bị ảnh hưởng. Chẳng hạn như người tiêu dùng sẽ không được bảo đảm nghĩa vụ bảo hành hàng hoá, dịch vụ do các doanh nghiệp sản xuất, cung cấp hàng hoá dịch vụ đó đã chấm dứt hoạt động.

- *Thứ tư*, tác động đến cấu trúc thị trường: khi một doanh nghiệp giải thể tồn tại có nghĩa là thị trường sẽ giảm đi một nhà cung cấp và đồng thời là người tiêu thụ hàng hoá, dịch vụ. Một doanh nghiệp dù có quy mô lớn hay nhỏ thì cũng có một vị trí và lượng khách hàng nhất định. Khi doanh nghiệp giải thể hoạt động thì thị trường sẽ mất đi một nhà cung cấp và đồng nghĩa với đó khách hàng (doanh nghiệp, cá nhân) sẽ phải tìm một nhà cung cấp khác. Điều này dẫn đến nguy cơ là nếu một doanh nghiệp giải thể mà các chủ thể khác không biết thì có rủi ro là khách hàng sẽ bị lừa dối, bị doanh nghiệp mạo danh cung cấp hàng hoá giả, dịch vụ kém chất lượng.

- *Thứ năm*, tác động đến cơ quan quản lý: cơ quan quản lý đăng ký kinh doanh là cơ quan chịu trách nhiệm quản lý hoạt động của doanh nghiệp. Cơ quan đăng ký kinh doanh có cơ chế hậu kiểm và rà soát các doanh nghiệp không thực hiện các hoạt động

kinh doanh và thuộc trường hợp giải thể. Các cơ quan quản lý thuế sẽ không thu được thuế gây thất thoát nguồn thu từ ngân sách nhà nước. Hơn nữa, đối với những doanh nghiệp đã chấm dứt hoạt động nhưng vẫn có những chủ thể khác mạo danh để cung cấp dịch vụ hàng hoá giả mạo ảnh hưởng đến đời sống kinh tế - xã hội đòi hỏi sự quản lý chặt chẽ từ phía cơ quan Nhà nước.

Những tác động như trên đòi hỏi pháp luật có những quy định chặt chẽ để điều chỉnh việc chấm dứt doanh nghiệp nhằm giảm thiểu những tác động xấu của sự chấm dứt đó đối với các chủ thể trên thị trường và với sự vận hành chung của thị trường. Chẳng hạn, để bảo đảm lợi ích của chính doanh nghiệp giải thể và đồng thời để tránh tẩu tán tài sản thông qua các hợp đồng vay, pháp luật sẽ coi các khoản cho vay của doanh nghiệp phá sản là khoản vay đến hạn và không cho phép giãn nợ. Con nợ sẽ phải trả nợ đúng trình tự mà pháp luật giải thể theo đúng quy định.

Bên cạnh đó, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ cũng chịu ảnh hưởng từ việc doanh nghiệp giải thể. Doanh nghiệp cung cấp các hàng hoá, dịch vụ sẽ mất đi một khách hàng thường xuyên.

1.3 Pháp Luật về giải thể Doanh nghiệp tại Việt Nam

1.3.1 Quá trình hình thành của pháp luật về giải thể Doanh nghiệp ở Việt Nam

1.3.1.1. Quá trình hình thành của pháp luật về giải thể Doanh nghiệp

Mặc dù những quy định pháp luật liên quan đến chấm dứt kinh doanh pháp luật về chấm dứt doanh nghiệp chỉ được ra đời và phát triển gắn với sự hình thành và phát triển của KTTT. Ở những thời kỳ tiền KTTT, trách nhiệm về tài sản của mỗi cá nhân đều được gắn với cơ thể con người đó, và là trách nhiệm chung của cả gia đình. Khi một người không có khả năng trả nợ, người đó không chỉ chịu sự trừng phạt về mặt tài sản mà còn phải chịu sự trừng phạt về mặt thân thể và những người liên quan đến người đó, đặc biệt là con cái, cũng sẽ phải cùng chịu trách nhiệm. Điều đó có thể thấy rõ trong các đạo luật cổ của Việt Nam.

Các đạo luật cổ của Việt Nam còn lưu đến ngày hôm nay có nhiều điều khoản bắt người kết ước phải thi hành cam kết trả nợ khi vay, nếu không sẽ phải chịu các hình phạt khá khắc nghiệt. Chẳng hạn, liên quan đến chế định bảo lãnh, theo Điều 590 Bộ luật Hồng Đức, nếu người mắc nợ bỏ trốn, thì người bảo chủ phải trả tiền nợ gốc thay cho người bỏ

trốn. Tuy nhiên, nếu trong khế ước quy định rõ bảo chủ phải trả thay cho đồng bạn, thì nghĩa vụ trả nợ (cả gốc và lãi) đều phải được thực hiện, nếu trái luật thì bị phạt 80 trượng. Điều 590 Bộ luật Hồng Đức còn quy định “*Nếu người mắc nợ có con, thì được đòi ở con*”.

Trong cả hai bộ cổ luật nổi tiếng của Việt Nam là Hồng Đức và Gia Long, các chế định về “bắt nợ” bao gồm cả việc bắt giữ đồ đạc, của cải và thậm chí người mắc nợ được quy định khá rõ ràng. Trong một số trường hợp, khi người đi vay không trả được nợ, người chủ nợ có quyền thừa quan và áp dụng một số biện pháp để bắt nợ kiểu “tự xử”. Luật Gia Long quy định, chủ nợ có thể cầm tù người mắc nợ để cưỡng bách trả nợ: nếu số nợ dưới 30 lạng bạc. Trường hợp này, thời gian giam giữ là một năm. Nếu quá một năm mà quả thực con nợ vẫn mất khả năng thanh toán, họ sẽ không bị đòi nợ nữa nhưng bị đánh trượng tùy thuộc vào số nợ nhiều hay ít. Nếu số nợ trên 30 lạng bạc và sau khi bị giam giữ trên một năm mà con nợ vẫn mất khả năng thanh toán, chủ nợ có thể tâu lên nhà vua để nhà vua tùy nghi quyết định.

Về chế định thanh toán tài sản, Điều 592 Bộ luật Hồng Đức quy định “*nếu người mắc nợ là quan từ cửu phẩm trở lên, mắc nợ quá nhiều mà không có đủ tài sản trả hết các khoản nợ, được quyền tâu xin thanh toán tài sản, chia cho các chủ nợ tùy theo số nợ nhiều hay ít... Người mắc nợ không được giấu diếm tài sản, trái luật bị phạt 80 trượng. Chủ nợ nào tìm được tài sản dấu được phép xin lấy đủ nợ.*”

Như vậy, có thể thấy, khi chưa có KTTT và doanh nghiệp, pháp luật về phá sản tập trung vào việc ràng buộc trách nhiệm trả nợ thông qua các biện pháp trừng phạt khắc nghiệt và có tính cha truyền con nối.

*** Pháp luật về chấm dứt doanh nghiệp trước năm 1975**

Pháp luật về giải thể doanh nghiệp ở Việt Nam hình thành từ thời Pháp thuộc, nhưng phần lớn ở miền Nam và trên thực tế rất ít được áp dụng. Hai đạo luật điều chỉnh phá sản đã được ban hành tại Việt Nam trước đây là Luật Phá sản trong Luật Thương mại Trung phần tại miền Trung Việt Nam ngày 02/06/1942 và Luật Phá sản trong Luật Thương mại miền Nam Việt Nam năm 1973.

Trong Bộ luật Thương mại năm 1972 của Việt Nam Cộng hòa có hai khái niệm được sử dụng là khánh tận và phá sản. Theo Điều 864 của Bộ luật này “*Thương gia ngưng trả nợ có thể, đương nhiên hoặc theo đơn xin của trái chủ, bị toà tuyên án khánh*

tận”. Điều 1008 Bộ luật Thương mại năm 1972 quy định “*những thương gia ở trong tình trạng khánh tận hay thanh toán tư pháp sẽ bị truy tố về tội phá sản đơn thường hay phá sản gian trá tùy theo các trường hợp được dự liệu tại các điều kế tiếp*”. Như vậy “*khánh tận là tình trạng một thương gia đã ngưng trả nợ*” hay nói cách khác, khái niệm “*khánh tận*” trong Bộ luật Thương mại năm 1972 được hiểu tương đương như khái niệm “*mất khả năng thanh toán*”.

*** Pháp luật Việt Nam về giải thể doanh nghiệp từ năm 1975 đến năm 2021**

Sau năm 1975, Việt Nam không chủ trương thực hiện nền kinh tế cạnh tranh nhiều thành phần nên khái niệm về giải thể, phá sản hầu như không xuất hiện. Trong nền kinh tế tập trung bao cấp, các doanh nghiệp là các đơn vị kinh tế của nhà nước, không cạnh tranh mà hoạt động theo chỉ tiêu pháp lệnh, được cung ứng đầu vào và bao tiêu toàn bộ đầu ra, không có khái niệm phá sản. Việc giải thể, nếu có, là theo quyết định của cơ quan chủ quản, nhà nước chịu hoàn toàn trách nhiệm và không ảnh hưởng tới các chủ thể khác trong nền kinh tế. Vì vậy, không có cơ sở kinh tế- xã hội cho pháp luật về giải thể. Chỉ khi đất nước tiến hành đổi mới toàn diện và phát triển nền KTTT với nền kinh tế đa thành phần, pháp luật về giải thể và phá sản mới được phát triển trở lại và trở thành một thành tố quan trọng trong thể chế KTTT định hướng XHCN của Việt Nam. Mặc dù vậy, phải đến đầu những năm 1990, các chế định pháp lý về doanh nghiệp, đầu tư, kinh doanh bao gồm cả các chế định về chấm dứt hoạt động của doanh nghiệp mới được hình thành một cách cơ bản.

Bắt đầu từ năm 1990 khi Quốc hội thông qua Luật DNTN và Luật Công ty, vấn đề giải thể doanh nghiệp đã được quy định cụ thể về các trường hợp giải thể, điều kiện giải thể doanh nghiệp và trình tự, thủ tục giải thể doanh nghiệp. Tuy nhiên, trong giai đoạn này, việc quy định về các trường hợp giải thể, điều kiện giải thể của các loại hình doanh nghiệp không có sự thống nhất. Chẳng hạn: đối với DNTN, Luật DNTN không quy định các trường hợp giải thể mà chỉ quy định điều kiện giải thể là “*Chủ DNTN chỉ được giải thể doanh nghiệp của mình, nếu bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ của doanh nghiệp và thanh lý hết hợp đồng mà doanh nghiệp đã ký kết*”. Đối với các loại hình doanh nghiệp khác, Luật Công ty chỉ quy định các trường hợp giải thể công ty mà không quy định về điều kiện giải thể doanh nghiệp. Sự không thống nhất này xuất phát từ việc pháp luật doanh nghiệp không có một đạo luật chung, thống nhất. Sự ra đời của Luật Doanh nghiệp năm 1999 đã giúp khắc

phục nhiều bất cập trong pháp luật về doanh nghiệp thời đó, trong đó có việc quy định cụ thể các trường hợp giải thể doanh nghiệp và thủ tục giải thể doanh nghiệp.

1.3.1.2. Đánh giá pháp luật về giải thể ở Việt Nam hiện nay

Sự đổi mới của Luật Doanh nghiệp năm 2020 cùng với các luật liên quan đã làm cho pháp luật giải thể có một cái nhìn đa chiều và tổng thể. Luật Doanh nghiệp 2020 đã quy định chặn chẽ cũng như hoàn thiện khi luật Doanh nghiệp 2014 đã có trước đó.

1.3.2. Pháp luật về giải thể doanh nghiệp ở Việt Nam

Pháp luật về chấm dứt hoạt động của doanh nghiệp được xây dựng nhằm thực hiện những mục tiêu mà nhà nước đặt ra trong việc điều chỉnh sự rút lui khỏi thị trường của doanh nghiệp, cụ thể là đảm bảo cho sự rút lui đó không gây ra những xáo trộn đối với sự vận hành của thị trường nói chung.

Quá trình giải thể một doanh nghiệp được quy định như sau:

Bước 1: Thông qua quyết định giải thể doanh nghiệp

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày thông qua nghị quyết, quyết định giải thể quy định tại khoản 1 Điều 208 Luật Doanh nghiệp, doanh nghiệp gửi thông báo về việc giải thể doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo về việc giải thể doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh phải đăng tải các giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 70 Nghị định 01/2021/NĐ-CP và thông báo tình trạng doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, chuyển tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp sang tình trạng đang làm thủ tục giải thể và gửi thông tin về việc giải thể của doanh nghiệp cho Cơ quan thuế. Doanh nghiệp thực hiện thủ tục hoàn thành nghĩa vụ thuế với Cơ quan thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế.

Bước 2: Thông báo công khai quyết định giải thể

Ra mẫu thông báo theo quy định của pháp luật, và gửi về phòng đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố mà doanh nghiệp nằm tại địa bàn cũng như đăng ký hoạt động doanh nghiệp.

Theo khoản 3 điều 208 Luật Doanh nghiệp 2020.

Bước 3: Thanh toán tài sản và các khoản nợ của công ty

Sau khi thanh toán hết các khoản nợ, doanh nghiệp nộp hồ sơ đăng ký giải thể đến Phòng đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của doanh nghiệp, doanh nghiệp gửi hồ sơ đăng ký giải thể doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.

- Trước khi nộp hồ sơ đăng ký giải thể doanh nghiệp, doanh nghiệp phải thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp tại Phòng Đăng ký kinh doanh nơi đặt chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

- Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký giải thể doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông tin về việc doanh nghiệp đăng ký giải thể cho Cơ quan thuế. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin của Phòng Đăng ký kinh doanh, Cơ quan thuế gửi ý kiến về việc hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế của doanh nghiệp đến Phòng đăng ký kinh doanh. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký giải thể doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh chuyển tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp sang tình trạng đã giải thể nếu không nhận được ý kiến từ chối của Cơ quan thuế, đồng thời ra thông báo về việc giải thể của doanh nghiệp.

- Sau thời hạn 180 ngày kể từ ngày Phòng Đăng ký kinh doanh nhận được thông báo kèm theo nghị quyết, quyết định giải thể của doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ đăng ký giải thể của doanh nghiệp và ý kiến phản đối bằng văn bản của bên có liên quan, Phòng Đăng ký kinh doanh chuyển tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp sang tình trạng đã giải thể, gửi thông tin về việc giải thể của doanh nghiệp cho Cơ quan thuế, đồng thời ra thông báo về việc giải thể của doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nêu trên.

Bước 4: Nộp hồ sơ giải thể

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ, doanh nghiệp gửi hồ sơ giải thể doanh nghiệp cho Cơ quan đăng ký kinh doanh.

Bước 5: Cập nhật tình trạng pháp lý của Doanh nghiệp trong cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Trình tự, thủ tục giải thể doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 208 Luật Doanh nghiệp năm 2020, Điều 59 Nghị định 78/2015/NĐ-CP như sau:

1. Thông qua nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp. Nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp;
- b) Lý do giải thể;
- c) Thời hạn, thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp;
- d) Phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động;
- đ) Họ, tên, chữ ký của chủ doanh nghiệp tư nhân, chủ sở hữu công ty, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị;

2. Chủ doanh nghiệp tư nhân, Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu công ty, Hội đồng quản trị trực tiếp tổ chức thanh lý tài sản doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định thành lập tổ chức thanh lý riêng;

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày thông qua, nghị quyết, quyết định giải thể và biên bản họp phải được gửi đến Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế, người lao động trong doanh nghiệp. Nghị quyết, quyết định giải thể phải được đăng trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và được niêm yết công khai tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp còn nghĩa vụ tài chính chưa thanh toán thì phải gửi kèm theo nghị quyết, quyết định giải thể và phương án giải quyết nợ đến các chủ nợ, người có quyền, nghĩa vụ và lợi ích có liên quan. Phương án giải quyết nợ phải có tên, địa chỉ của chủ nợ; số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó; cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ;

4. Cơ quan đăng ký kinh doanh phải thông báo tình trạng doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp ngay sau khi nhận được nghị quyết, quyết định giải thể của doanh nghiệp. Kèm theo thông báo phải đăng tải nghị quyết, quyết định giải thể và phương án giải quyết nợ (nếu có);

5. Các khoản nợ của doanh nghiệp được thanh toán theo thứ tự ưu tiên sau đây: a) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết; b) Nợ thuế; c) Các khoản nợ khác;

6. Sau khi đã thanh toán chi phí giải thể doanh nghiệp và các khoản nợ, phần còn lại chia cho chủ doanh nghiệp tư nhân, các thành viên, cổ đông hoặc chủ sở hữu công ty theo tỷ lệ sở hữu phần vốn góp, cổ phần;

7. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp gửi hồ sơ giải thể doanh nghiệp cho Cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của doanh nghiệp;

8. Sau thời hạn 180 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết, quyết định giải thể theo quy định tại khoản 3 Điều này mà không nhận được ý kiến về việc giải thể từ doanh nghiệp hoặc phản đối của bên có liên quan bằng văn bản hoặc trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ giải thể, Cơ quan đăng ký kinh doanh cập nhật tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp;

9. Chính phủ quy định chi tiết về trình tự, thủ tục giải thể doanh nghiệp."

1.3.4. Về trình tự, thủ tục giải thể doanh nghiệp

Việc giải thể doanh nghiệp làm phát sinh hai mối quan hệ: thứ nhất là quan hệ giữa các thành viên trong nội bộ doanh nghiệp và thứ hai là quan hệ giữa doanh nghiệp với các chủ thể khác, bao gồm bạn hàng, đối tác, người lao động trong doanh nghiệp và các cơ quan quản lý nhà nước. Đây là những quan hệ liên quan đến tài sản và liên quan đến hoạt động quản lý nhà nước. Hoạt động giải thể chỉ được coi là hoàn thành nếu doanh nghiệp đã xử lý xong mối quan hệ với tất cả các chủ thể nói trên. Vì vậy, việc giải thể doanh nghiệp phải tuân theo những thủ tục nhất định.

Đối với trường hợp “giải thể tự nguyện”

Bước 1: Thông qua quyết định giải thể công ty

Để có thể tiến hành giải thể doanh nghiệp trước hết doanh nghiệp cần tổ chức họp để thông qua quyết định giải thể. Theo đó, việc giải thể phải được thông qua bởi chủ sở hữu đối với công ty TNHH một thành viên, bởi Hội đồng thành viên đối với công ty

TNHH hai thành viên trở lên, bởi Đại hội đồng cổ đông đối với CTCP và bởi các thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh.

Quyết định này thể hiện sự nhất trí của các thành viên về các vấn đề liên quan đến lý do giải thể; thời hạn, thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ; phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động và việc thành lập tổ thanh lý tài sản.

Quyết định giải thể doanh nghiệp phải có các nội dung chủ yếu sau:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp;
- Lý do giải thể;
- Thời hạn, thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp; thời hạn thanh toán nợ, thanh lý hợp đồng không được vượt quá 06 tháng, kể từ ngày thông qua quyết định giải thể;
- Phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động;
- Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

Bước 2: Thông báo công khai quyết định giải thể

Sau khi quyết định giải thể được thông qua, doanh nghiệp phải thông báo cho những người có quyền và lợi ích liên quan đến hoạt động giải thể doanh nghiệp biết về quyết định giải thể. Trường hợp doanh nghiệp còn nghĩa vụ tài chính chưa thanh toán thì phải gửi kèm theo quyết định giải thể phương án giải quyết nợ đến các chủ nợ, người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan. Thông báo phải có tên, địa chỉ của chủ nợ; số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó; cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ.

Bước 3: Thanh lý tài sản và thanh toán các khoản nợ của công ty

Khoản 2 và Khoản 5 Điều 208 Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định về người tổ chức thanh lý tài sản và thứ tự thanh toán nợ. Theo đó, chủ DNTN, Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu công ty, Hội đồng quản trị trực tiếp tổ chức thanh lý tài sản doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định thành lập tổ chức thanh lý riêng.

Các khoản nợ của doanh nghiệp được thanh toán theo thứ tự sau:

- (1) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

(2) Nợ thuế;

(3) Các khoản nợ khác.

Sau khi đã thanh toán hết các khoản nợ và chi phí giải thể doanh nghiệp, phần còn lại thuộc về chủ thể DNTN, các thành viên, cổ đông hoặc chủ sở hữu công ty.

Theo Điểm c Khoản 1 Điều 208 Luật Doanh nghiệp năm 2020 thì thời hạn thanh lý hợp đồng không được vượt quá 06 tháng, kể từ ngày thông qua quyết định giải thể.

Một số ý kiến cho rằng, thời gian này chỉ phù hợp với những doanh nghiệp có quy mô nhỏ, không có mối quan hệ giao dịch phức tạp, tài sản có tính thanh khoản cao. Với những doanh nghiệp có quy mô lớn hoặc có nhiều tài sản (như bất động sản), cần thời gian dài để thanh lý và trả nợ thì thời gian này có thể sẽ không đủ để giải quyết hết các hợp đồng và thanh toán công nợ.

Việc thanh toán các khoản nợ là rất phức tạp vì cần phải quy định một trình tự phù hợp nhằm đảm bảo quyền và lợi ích của những người liên quan.

Bước 4: Nộp hồ sơ giải thể

Theo quy định tại Khoản 4 Điều 209 Luật Doanh nghiệp năm 2020 thì người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp gửi hồ sơ giải thể đến Cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của doanh nghiệp.

Bước 5: Cập nhật tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp

Khoản 8 Điều 208 Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định việc giải thể doanh nghiệp thực hiện theo hai phương thức:

- Trường hợp giải thể theo hồ sơ, Điều 70 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP quy định sau khi nhận được hồ sơ giải thể của doanh nghiệp, cơ quan đăng ký kinh doanh gửi thông tin về việc doanh nghiệp đăng ký giải thể cho cơ quan thuế. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin của cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế gửi ý kiến về việc giải thể của doanh nghiệp đến cơ quan đăng ký kinh doanh.

Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ giải thể, Cơ quan đăng ký kinh doanh cập nhật tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

- Trường hợp giải thể tự động, sau thời hạn 180 ngày, kể từ ngày thông báo tình trạng giải thể doanh nghiệp mà không nhận phản đối của bên có liên quan bằng văn bản, cơ quan đăng ký kinh doanh cập nhật tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Điều này đòi hỏi cơ quan thuế sẽ phải khẩn trương thực hiện thủ tục quyết toán thuế cho doanh nghiệp. Ngoài ra, Luật Doanh nghiệp năm 2020 cũng bổ sung quy định về giải thể doanh nghiệp trong trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án.

Đối với trường hợp “giải thể bắt buộc”

Bước 1: Cơ quan đăng ký kinh doanh thông báo tình trạng doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp

Cơ quan đăng ký kinh doanh phải thông báo tình trạng doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp đồng thời với việc ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc ngay sau khi nhận được quyết định giải thể của Tòa án đã có hiệu lực thi hành. Kèm theo thông báo còn phải đăng tải quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định của Tòa án.

Bước 2: Ra quyết định giải thể và gửi quyết định này đến cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế, người lao động trong doanh nghiệp và công khai quyết định này

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực, doanh nghiệp phải triệu tập họp để ra quyết định giải thể. Doanh nghiệp phải gửi quyết định giải thể và bản sao quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế, người lao động trong doanh nghiệp. Quyết định giải thể phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính, chi nhánh của doanh nghiệp. Trong một số trường hợp mà pháp luật có yêu cầu phải đăng báo thì quyết định giải thể doanh nghiệp phải được đăng ít nhất trên một tờ báo viết hoặc báo điện tử trong ba số liên tiếp.

Trường hợp doanh nghiệp còn nghĩa vụ tài chính chưa thanh toán thì phải gửi kèm theo quyết định giải thể phương án giải quyết nợ đến các chủ nợ, người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan. Thông báo phải có tên, địa chỉ của chủ nợ; số nợ, thời hạn, địa

điểm và phương thức thanh toán số nợ đó; cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ.

Bước 3: Tổ chức thanh lý tài sản và thanh toán các khoản nợ

Bước 4: Nộp yêu cầu giải thể doanh nghiệp

Bước 5: Cơ quan đăng ký kinh doanh cập nhật trình trạng pháp lý của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp

Trình tự, cách thức thực hiện tại các bước 3, 4, 5 thực hiện tương tự như trường hợp giải thể tự nguyện.

1.3.5. Về hồ sơ giải thể

Trước đây, theo quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2020 thì trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc việc giải thể doanh nghiệp và thanh toán hết các khoản nợ của doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp gửi hồ sơ giải thể doanh nghiệp đến cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý về đầu tư để được giải quyết. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký kinh doanh xóa tên doanh nghiệp trong sổ đăng ký kinh doanh.

Hồ sơ giải thể doanh nghiệp quy định tại Điều 40 Nghị định số 102/2010/NĐ-CP ngày 01/10/2010 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp bao gồm:

- Quyết định giải thể hoặc quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định của Tòa án tuyên bố giải thể doanh nghiệp;
- Danh sách chủ nợ và số nợ đã thanh toán;
- Danh sách người lao động hiện có và quyền lợi người lao động đã được giải quyết;
- Giấy xác nhận của cơ quan thuế về việc đã hoàn thành các nghĩa vụ về thuế;
- Giấy xác nhận của cơ quan công an về việc hủy con dấu;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư.

Như vậy, trước khi doanh nghiệp nộp hồ sơ giải thể tại Phòng Đăng ký kinh doanh, doanh nghiệp phải thực hiện một số thủ tục hành chính khác, trong đó có thủ tục xin Giấy xác nhận về việc đã hoàn thành các nghĩa vụ về thuế tại cơ quan thuế để hoàn thiện hồ sơ giải thể. Để tạo thuận lợi hơn nữa cho doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục giải thể doanh nghiệp, Luật Doanh nghiệp năm 2020 đã đơn giản hóa các thành phần hồ sơ giải thể doanh nghiệp.

Khoản 1 Điều 210 Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định hồ sơ giải thể doanh nghiệp bao gồm các giấy tờ sau:

- “- Thông báo về giải thể doanh nghiệp;
- Báo cáo thanh lý tài sản doanh nghiệp; danh sách chủ nợ và số nợ đã thanh toán, gồm cả thanh toán hết các khoản nợ về thuế và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động sau khi quyết định giải thể doanh nghiệp (nếu có).”

Cụ thể, Luật Doanh nghiệp năm 2020 không yêu cầu doanh nghiệp phải nộp Giấy xác nhận của cơ quan thuế về việc đã hoàn thành các nghĩa vụ về thuế và Giấy xác nhận của cơ quan công an về việc hủy con dấu. Trường hợp doanh nghiệp sử dụng con dấu do cơ quan công an cấp, Khoản 8 Điều 70 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP quy định đối với doanh nghiệp sử dụng con dấu do cơ quan công an cấp, doanh nghiệp có trách nhiệm trả con dấu, Giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu con dấu cho cơ quan công an theo quy định khi làm thủ tục giải thể. Trong trường hợp này, con dấu và Giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu trong hồ sơ giải thể doanh nghiệp quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 210 Luật Doanh nghiệp năm 2020 được thay thế bằng giấy xác nhận của cơ quan công an về việc đã thu hồi con dấu. Đối với doanh nghiệp sử dụng con dấu theo quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2020, cơ quan đăng ký kinh doanh không yêu cầu doanh nghiệp phải nộp lại con dấu.

Với việc đơn giản hóa hơn nữa các thành phần trong hồ sơ giải thể doanh nghiệp, Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành đã cơ bản tháo gỡ được các vướng mắc cơ bản khi thực hiện thủ tục giải thể theo quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2014.

Theo quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2020 thì việc công bố quyết định giải thể thực hiện bằng cách đăng báo địa phương hoặc báo ngày của trung ương trong ba số

liên tiếp. Tuy nhiên, trên cơ sở kết quả rà soát thủ tục hành chính, ngày 27/12/2010, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 70/NQ-CP về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; trong đó, phương án đơn giản hóa đối với thủ tục giải thể doanh nghiệp được Chính phủ phê duyệt chỉ tập trung vào hai nội dung là: quy định rõ số lượng bộ hồ sơ giải thể “01 bộ” và việc đăng báo quyết định giải thể của doanh nghiệp cần sửa đổi theo hướng “đăng tập trung tại một hoặc một số tờ báo nhất định, kể cả báo điện tử và cổng thông tin doanh nghiệp của cơ quan quản lý nhà nước về kế hoạch và đầu tư”. Theo đó, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi được thông qua, bản sao quyết định giải thể của doanh nghiệp phải được gửi đến cơ quan đăng ký kinh doanh, tất cả các chủ nợ, người có quyền, nghĩa vụ và lợi ích liên quan, người lao động trong doanh nghiệp; đồng thời niêm yết công khai tại trụ sở chính và chi nhánh của doanh nghiệp và đăng quyết định này trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Luật Doanh nghiệp năm 2020 tiếp tục quy định việc công bố thông tin đăng ký giải thể doanh nghiệp được thực hiện trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Theo đó, Khoản 3 Điều 208 Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày thông qua, quyết định giải thể và biên bản họp phải được gửi đến cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế và người lao động trong doanh nghiệp.

Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm thông báo tình trạng doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp nhằm mục đích công bố công khai cho toàn xã hội để theo dõi, giám sát doanh nghiệp. Đồng thời, cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm là cơ quan đầu mối tiếp nhận và giải quyết thủ tục đăng ký giải thể doanh nghiệp. Sau khi nhận được hồ sơ giải thể doanh nghiệp, cơ quan đăng ký kinh doanh gửi thông tin về việc doanh nghiệp đăng ký giải thể cho cơ quan thuế, phối hợp liên thông với cơ quan thuế trong giải quyết thủ tục giải thể cho doanh nghiệp, đảm bảo đúng thời hạn giải quyết hồ sơ theo quy định pháp luật.

1.3.6. Về trách nhiệm, quyền hạn và lợi ích của các bên có liên quan

Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định về việc đảm bảo quyền và lợi ích của các bên có liên quan đến việc giải thể của doanh nghiệp như sau:

** Về trách nhiệm của người quản lý doanh nghiệp đối với việc giải thể doanh nghiệp*

Khoản 2, Khoản 3 Điều 210 Luật Doanh nghiệp năm 2020 có quy định về trách nhiệm cá nhân đối với tính trung thực, chính xác của hồ sơ giải thể doanh nghiệp. Theo đó, thành viên Hội đồng quản trị CTCP, thành viên Hội đồng thành viên công ty TNHH, chủ sở hữu công ty, chủ DNTN, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, thành viên hợp danh, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của hồ sơ giải thể doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ giải thể không chính xác, giả mạo, những người nêu trên phải liên đới chịu trách nhiệm thanh toán số nợ chưa thanh toán, số thuế chưa nộp và quyền lợi của người lao động chưa được giải quyết và chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật về những hệ quả phát sinh trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày nộp hồ sơ giải thể doanh nghiệp đến cơ quan đăng ký kinh doanh.

** Về các hoạt động bị cấm kể từ khi có quyết định giải thể*

Điều 211 Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định kể từ khi có quyết định giải thể doanh nghiệp, nghiêm cấm doanh nghiệp, người quản lý doanh nghiệp thực hiện các hoạt động sau đây:

- a) Cất giấu, tẩu tán tài sản;
- b) Từ bỏ hoặc giảm bớt quyền đòi nợ;
- c) Chuyển các khoản nợ không có bảo đảm thành các khoản nợ có bảo đảm bằng tài sản của doanh nghiệp;
- d) Ký kết hợp đồng mới, trừ trường hợp để thực hiện giải thể doanh nghiệp;
- đ) Cầm cố, thế chấp, tặng cho, cho thuê tài sản;
- e) Chấm dứt thực hiện hợp đồng đã có hiệu lực;
- g) Huy động vốn dưới mọi hình thức.

Việc quy định các hành vi bị cấm nêu trên là nhằm ngăn chặn phát sinh thêm quyền và nghĩa vụ dẫn đến làm giảm khả năng trả nợ của doanh nghiệp, đồng thời, hạn chế việc doanh nghiệp tẩu tán tài sản, trốn tránh các nghĩa vụ với các đối tác trong quá trình hoạt động, gây ảnh hưởng trực tiếp tới quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể có liên quan.

* *Về cơ chế hậu kiểm*: Luật Doanh nghiệp năm 2020 đã tạo ra những đột phá mới trong việc tạo thuận lợi hơn cho việc thành lập doanh nghiệp, với mục tiêu làm cho doanh nghiệp trở thành một công cụ kinh doanh rẻ hơn, an toàn hơn và hấp dẫn các nhà đầu tư. Theo đó, công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp đã chuyển hoàn toàn từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm”.

1.4. Các quy định về giải thể của các nước, khu vực trên thế giới

1.4.1. Pháp luật về giải thể của Hoa Kỳ

Hệ thống pháp luật Hoa Kỳ bao gồm luật liên bang và luật bang. Hiện nay, tại các bang của Hoa Kỳ vẫn duy trì những quy định riêng để điều chỉnh các vấn đề của bang mình. Về các loại hình doanh nghiệp, pháp luật tại các bang của Hoa Kỳ quy định không hoàn toàn giống nhau nhưng nhìn chung, ở tất cả các bang đều tồn tại bốn loại hình doanh nghiệp cơ bản là: doanh nghiệp một chủ - Sole Proprietorship, công ty hợp danh - Partnership, công ty cổ phần - Corporation và công ty TNHH - Limited Liability Company. Pháp luật về giải thể doanh nghiệp của Hoa Kỳ quy định giải thể doanh nghiệp như sau:

Về luật điều chỉnh: Các quy định về giải thể mỗi loại hình doanh nghiệp là khác nhau. Các quy định về giải thể doanh nghiệp được ghi nhận tại các Luật điều chỉnh đối với từng loại hình doanh nghiệp. Chẳng hạn như đối với công ty hợp danh, vấn đề giải thể công ty hợp danh được quy định tại Luật chung về công ty hợp danh năm 1997 (Uniform Partnership Act); đối với công ty hợp danh hữu hạn, các quy định về giải thể công ty hợp danh hữu hạn được ghi nhận tại Luật chung về công ty hợp danh hữu hạn năm 2001 (Uniform Limited Partnership Act) hay đối với việc giải thể công ty TNHH được quy định tại Luật chung về công ty TNHH năm 1994 (Uniform Limited Liability Company Act) được sửa đổi bổ sung năm 2006 (Revised Uniform Limited Liability Company Act).

Về các trường hợp giải thể doanh nghiệp: đối với mỗi loại hình doanh nghiệp khác nhau thì các trường hợp giải thể doanh nghiệp cũng có những điểm khác biệt nhất định. Đối với công ty hợp danh, Điều 801 Luật chung về công ty hợp danh quy định công ty hợp danh bị giải thể trong các trường hợp sau đây: (1) Công ty hợp danh nhận được thông báo của một thành viên sẽ rút khỏi công ty theo quy định tại khoản 2 đến khoản 10 Điều 601; (2) Công ty hợp danh có thời hạn hoạt động hoặc mục tiêu cụ thể: (i) có một

thành viên chết hoặc rút khỏi công ty theo quy định tại khoản 6 đến khoản 10 Điều 601 hoặc rút khỏi công ty trái pháp luật theo quy định tại Điều 602 (b) trong thời hạn 90 ngày và được ít nhất $\frac{1}{2}$ số thành viên còn lại đồng ý chấm dứt hoạt động của công ty; (ii) tất cả các thành viên đồng ý chấm dứt hoạt động của công ty; (iii) kết thúc thời hạn hoạt động hoặc hoàn thành mục tiêu đã định; (3) xảy ra sự kiện đã thỏa thuận trong Điều lệ công ty là sự kiện đó dẫn tới việc chấm dứt hoạt động của công ty; (4) xảy ra sự kiện làm cho tất cả hoặc hầu hết tất cả hoạt động kinh doanh của công ty trở thành bất hợp pháp; (5) theo đơn của một thành viên, Tòa án xác định rằng: (i) Mục đích kinh tế của công ty không thành công một cách bất hợp lý; (ii) Thành viên khác đã có các hành vi liên quan đến việc kinh doanh của công ty mà điều đó là không hợp lý để tiếp tục kinh doanh trong công ty với thành viên đó; (iii) Không thể thực hiện được các hoạt động kinh doanh phù hợp với Điều lệ công ty; (6) Theo đơn của một người nhận chuyển nhượng của một thành viên, Tòa án xác định điều đó là hợp lý để chấm dứt hoạt động của công ty: (i) Sau khi hết thời hạn hoạt động hoặc hoàn thành mục tiêu đã định nếu công ty có thời hạn hoạt động nhất định hoặc mục tiêu cụ thể tại thời điểm chuyển nhượng hoặc sự tiếp nhận nghĩa vụ đã dẫn đến việc chuyển nhượng; (ii) Bất cứ lúc nào, nếu công ty hợp danh là công ty được hợp thành tại thời điểm chuyển nhượng hoặc sự tiếp nhận nghĩa vụ đã dẫn đến việc chuyển nhượng.

Đối với công ty hợp danh hữu hạn, có hai trường hợp giải thể công ty hợp danh hữu hạn đó là giải thể không thông qua Tòa án và giải thể thông qua Tòa án. Điều 801 Luật chung về công ty hợp danh hữu hạn quy định về các trường hợp giải thể không thông qua Tòa án, theo đó công ty hợp danh hữu hạn bị giải thể trong các trường hợp sau đây: (1) xảy ra sự kiện đã quy định trong Điều lệ công ty là sự kiện đó dẫn tới việc giải thể công ty; (2) được sự đồng ý của tất cả các thành viên phổ thông và các thành viên hữu hạn; (3) sau khi một thành viên phổ thông rút khỏi công ty: (A) nếu công ty hợp danh hữu hạn còn lại ít nhất một thành viên phổ thông và các thành viên đồng ý giải thể công ty trong thời hạn 90 ngày sau khi có thành viên rút khỏi công ty; (B) Nếu công ty hợp danh hữu hạn không còn thành viên phổ thông trong thời hạn 90 ngày sau khi thành viên rút khỏi công ty, trừ trường hợp trước khi kết thúc thời hạn trên: (i) Các thành viên hữu hạn đồng ý tiếp tục các hoạt động của công ty hợp danh hữu hạn và kết nạp ít nhất một thành viên phổ thông; và (ii) thành viên phổ thông được kết nạp phải được sự đồng ý của các thành viên hữu hạn; (4) trong thời hạn 90 ngày sau khi thành viên hữu hạn cuối cùng

của công ty hợp danh hữu hạn rút khỏi, trừ trường hợp trước khi kết thúc thời hạn trên công ty hợp danh hữu hạn kết nạp ít nhất một thành viên hữu hạn; (5) tuyên bố giải thể được đưa ra bởi Bộ trưởng theo Điều 809 (c). Đối với trường hợp giải thể thông qua Tòa án được quy định tại Điều 802 Luật chung về công ty hợp danh hữu hạn, theo đó Tòa án có thể giải thể công ty hợp danh hữu hạn theo đơn yêu cầu của một thành viên nếu công ty hợp danh hữu hạn không thể thực hiện được các hoạt động phù hợp với Điều lệ công ty.

Đối với công ty TNHH, các trường hợp giải thể công ty được quy định tại Điều 701 Luật chung về công ty TNHH, theo đó công ty TNHH bị giải thể trong các trường hợp sau đây: (1) xảy ra sự kiện hay hoàn cảnh mà đã thỏa thuận trong hợp đồng thành lập công ty là sự kiện hay hoàn cảnh đó dẫn tới việc giải thể công ty; (2) được sự đồng ý của tất cả các thành viên; (3) công ty không có thành viên trong thời hạn 90 ngày liên tục; (4) Tòa án yêu cầu giải thể công ty theo đơn của một thành viên trong trường hợp: (A) tất cả hoặc hầu hết tất cả các hoạt động của công ty tiến hành là trái pháp luật; (B) công ty không thể thực hiện các hoạt động phù hợp với giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và hợp đồng thành lập công ty; (5) Tòa án yêu cầu giải thể công ty theo đơn của một thành viên trong trường hợp các nhà quản lý hoặc những thành viên kiểm soát hoạt động của công ty: (A) đã, đang hoặc sẽ hành động một cách bất hợp pháp hoặc gian lận; (B) đã hoặc đang hành động một cách áp bức và đã, đang hoặc sẽ có hại trực tiếp cho người nộp đơn.

Về chủ thể có thẩm quyền tiến hành thủ tục giải thể doanh nghiệp: Theo pháp luật Hoa Kỳ, mỗi loại hình doanh nghiệp khác nhau thì chủ thể có thẩm quyền tiến hành thủ tục giải thể doanh nghiệp cũng khác nhau. Trong trường hợp công ty hợp danh thì bất kỳ thành viên nào nếu không rút khỏi công ty một cách trái pháp luật đều có thể tham gia vào việc chấm dứt hoạt động của công ty nhưng có thể phải chịu sự giám sát của Tòa án nếu có đơn yêu cầu của bất kỳ thành viên nào, đại diện hợp pháp của thành viên, người nhận chuyển nhượng hoặc Tòa án tự quyết định nếu có lý do chính đáng (Điều 803(a)) hoặc người đại diện hợp pháp của thành viên còn lại cuối cùng có thể chấm dứt hoạt động kinh doanh của công ty (Điều 803 (b)). Trong trường hợp công ty hợp danh hữu hạn, chủ thể thực hiện chấm dứt hoạt động của công ty là thành viên phổ thông. Đối với trường hợp công ty hợp danh hữu hạn bị giải thể không có thành viên phổ thông, các thành viên hữu hạn sẽ cử ra một người để thực hiện công việc này (Điều 803 (c) hoặc người nộp đơn

có lý do chính đáng khác (Điều 803 (d)). Đối với công ty TNHH, việc chấm dứt hoạt động của công ty đang thực hiện bởi thành viên công ty hoặc người đại diện hợp pháp của thành viên cuối cùng trong trường hợp công ty TNHH giải thể không còn thành viên hoặc một người được chỉ định trong trường hợp người đại diện hợp pháp của thành viên cuối cùng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng việc chấm dứt các hoạt động của công ty (Điều 702 (d)). Việc chấm dứt hoạt động của công ty TNHH có thể phải chịu sự giám sát của Tòa án theo đơn yêu cầu của một thành viên nếu có lý do chính đáng hoặc theo đơn của một người được chuyển nhượng, nếu công ty không còn thành viên nào; đại diện hợp pháp của thành viên cuối cùng đã không thực hiện hoặc thực hiện không đúng việc chấm dứt các hoạt động của công ty và trong thời hạn hợp lý sau khi giải thể một người không được bổ nhiệm theo Điều 702 (d) hoặc theo một thủ tục quy định tại Điều 701 (a) (4) hoặc (5).

Về thông báo việc giải thể doanh nghiệp: Việc giải thể doanh nghiệp phải được công bố rộng rãi. Đối với công ty hợp danh hữu hạn, pháp luật quy định phải đăng thông báo với nội dung được quy định tại Điều 807 (b) ít nhất một lần trên một tờ báo địa phương nơi có trụ sở chính của công ty (Điều 807 (b)). Đối với công ty TNHH, thông báo giải thể công ty cũng được đăng ít nhất một lần trên một tờ báo địa phương nơi có trụ sở chính của công ty (Điều 704 (b)).

Về thanh lý tài sản khi giải thể doanh nghiệp: Pháp luật Hoa kỳ quy định chủ thể có thẩm quyền chấm dứt hoạt động của doanh nghiệp và sẽ tiến hành thanh lý tài sản và thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp. Sau khi thanh toán các khoản nợ về chi phí giải thể doanh nghiệp, số tiền còn lại sẽ được phân chia cho các thành viên. Doanh nghiệp sẽ chấm dứt hoạt động khi đã thanh toán xong.

1.4.2. Quy định về giải thể của một số quốc gia Châu Âu

Về luật áp dụng: Pháp luật Đức cũng như pháp luật các quốc gia khác trên thế giới đều ghi nhận các loại hình doanh nghiệp đó là: doanh nghiệp cá nhân, công ty hợp danh, CTCP và công ty TNHH. Tại Đức, mỗi loại hình doanh nghiệp đều có luật riêng điều chỉnh chẳng hạn như CTCP thì chịu sự điều chỉnh của Luật CTCP (Aktiengesetz) năm 1965, công ty TNHH thì được quy định tại Luật Công ty TNHH (Gesetz betreffend die Gesellschaften mit beschränkter Haftung - GmbHG) năm 1892, sửa đổi năm 1980 và Luật quy định bổ sung về công ty TNHH (Gesetz zur Modernisierung des GmbH-Rechts

und zur Bekämpfung von Missbräuchen) năm 2008... Các quy định về giải thể doanh nghiệp được ghi nhận tại luật riêng điều chỉnh đối với mỗi loại hình doanh nghiệp.

Về các trường hợp giải thể: Pháp luật doanh nghiệp Đức quy định các trường hợp giải thể của CTCP bao gồm các trường hợp sau đây:

- “1. Kết thúc thời hạn ghi trong Điều lệ công ty;*
- 2. Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp này phải được sự đồng ý của ít nhất % cổ đông dự họp);*
- 3. Mở thủ tục phá sản về các tài sản của CTCP;*
- 4. Quyết định cuối cùng và không bị kháng cáo về việc từ chối mở thủ tục phá sản vì tài sản không đủ để trang trải các chi phí tố tụng;*
- 5. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng và không bị kháng cáo theo quy định tại Điều 399 của Luật về thủ tục tố tụng tại Tòa án trong vấn đề gia đình và vấn đề không kiện tụng;*
- 6. Hủy bỏ công ty vì không có đủ tài sản theo quy định tại Điều 394 của Luật về thủ tục tố tụng tại Tòa án trong vấn đề gia đình và vấn đề không kiện tụng. Ngoài ra, công ty cổ phần còn bị giải thể trong các trường hợp khác chẳng hạn như vi phạm điều cấm của pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 396 Luật CTCP.”*

Đối với công ty TNHH, việc giải thể công ty được quy định tại Luật Công ty TNHH. Quy định về các trường hợp giải thể công ty TNHH được ghi nhận tại Điều 60 Luật Công ty TNHH, theo đó công ty TNHH giải thể trong các trường hợp sau đây:

- “1. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty;*
- 2. Theo quyết định của các thành viên trong công ty (trong trường hợp này phải được % số phiếu biểu quyết đồng ý, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác);*
- 3. Theo quyết định của Tòa án hoặc cơ quan quản lý hành chính có thẩm quyền theo quy định tại Điều 61 và Điều 62 (Công ty có thể bị giải thể theo quyết định của Tòa án cấp huyện nơi công ty có tại sở chính nếu thấy rằng mục đích thành lập công ty không thể đạt được (Điều 61). Trường hợp công ty gây ảnh hưởng xấu đến lợi ích công cộng bởi những hành động mà các thành viên dè dặt thuận hoặc được Giám đốc công ty*

thừa nhận thì cơ quan quản lý hành chính có quyền giải thể công ty mà không cần có đơn yêu cầu bồi thường của những người bị thiệt hại (Điều 62));

4. Mở thủ tục phá sản về các tài sản của công ty TNHH;

5. Quyết định cuối cùng và không bị kháng cáo về việc từ chối mở thủ tục phá sản vì tài sản không đủ để trang trải các chi phí tố tụng;

6. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng và không bị kháng cáo theo quy định tại Điều 399 của Luật về thủ tục tố tụng tại Tòa án trong vấn đề gia đình và vấn đề không kiện tụng;

7. Hủy bỏ công ty vì không có đủ tài sản theo quy định tại Điều 394 của Luật về thủ tục tố tụng tại Tòa án trong vấn đề gia đình và vấn đề không kiện tụng. Ngoài ra, Điều lệ công ty có thể quy định các trường hợp khác dẫn đến việc giải thể công ty.”

Tại Vương quốc Anh, doanh nghiệp thực hiện giải thể khi chủ doanh nghiệp không còn nhu cầu kinh doanh và duy trì sự tồn tại của doanh nghiệp. Doanh nghiệp cũng có thể bị giải thể trong trường hợp Cơ quan quản lý doanh nghiệp (Companies House) có những lý do phù hợp để tin rằng doanh nghiệp đã không còn thực hiện các hoạt động kinh doanh trong thời gian 3 tháng gần nhất.

Về chủ thể có quyền yêu cầu giải thể doanh nghiệp: Theo pháp luật Đức, Giám đốc công ty TNHH sẽ phải làm thủ tục chấm dứt sự tồn tại của công ty với cơ quan đăng ký thương mại (khoản 1 Điều 65). Thông báo giải thể công ty TNHH phải được đăng trên báo địa phương nơi công ty đặt trụ sở trong ba số liên tiếp.

Về thanh lý tài sản của doanh nghiệp: Theo quy định của pháp luật Đức, việc thanh lý tài sản của CTCP sẽ do Hội đồng quản trị hoặc những người được chỉ định theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (khoản 2 Điều 265) hoặc những người do Tòa án chỉ định theo quy định tại khoản 3 Điều 265 Luật CTCP thực hiện.

Tài sản của công ty sẽ được đem ra để thanh toán tất cả các khoản nợ của công ty. Nếu sau khi hoàn thành nghĩa vụ đối với tất cả các chủ nợ mà vẫn còn tài sản thì tài sản còn lại đó sẽ được chia cho các cổ đông theo tỷ lệ cổ phần mà cổ đông sở hữu. Việc phân chia tài sản chỉ có thể được thực hiện nếu qua một năm kể từ ngày thông báo giải thể được công bố đến các chủ nợ (khoản 1 Điều 272). Nếu có nghĩa vụ không thể hoàn thành

trong thời gian tiến hành thủ tục giải thể hoặc đang bị tranh chấp, tài sản chỉ có thể được phân chia nếu đã thực hiện biện pháp bảo đảm cho chủ nợ (khoản 3 Điều 272). Sau khi hoàn thành nghĩa vụ thanh toán đối với các chủ nợ, chủ thể có thẩm quyền thực hiện việc thanh lý tài sản sẽ phải nộp hồ sơ chứng minh hoàn thành việc thanh toán nợ đến cơ quan đăng ký thương mại. Cơ quan đăng ký thương mại sẽ xóa tên công ty trong sổ đăng ký thương mại.

Giám đốc công ty TNHH sẽ là người thực hiện việc thanh lý tài sản của công ty trừ trường hợp Điều lệ công ty hoặc theo quyết định của tất cả các thành viên chỉ định người khác (khoản 1 Điều 66) hoặc người được Tòa án chỉ định theo quy định tại khoản 2 Điều 66 Luật Công ty TNHH thực hiện.

Tài sản của công ty TNHH sẽ được đem ra thanh toán cho tất cả các chủ nợ. Nếu sau khi thanh toán nợ mà vẫn còn tài sản thì tài sản đó sẽ được chia cho các thành viên theo tỷ lệ phần vốn góp của thành viên trong công ty trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ khác (Điều 72). Việc phân chia tài sản cho các thành viên công ty chỉ có thể được thực hiện sau khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và không sớm hơn một năm kể từ ngày cuối cùng đăng báo về việc chấm dứt sự tồn tại của công ty. Nếu có nghĩa vụ không thể hoàn thành trong thời gian tiến hành thủ tục giải thể hoặc đang bị tranh chấp, tài sản chỉ có thể được phân chia nếu đã thực hiện biện pháp bảo đảm cho chủ nợ. Nếu vi phạm các quy định trên thì thành viên phải hoàn trả số tiền đã phân chia, liên đới chịu trách nhiệm và phải bồi thường theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 43 (Điều 73).

Sau khi hoàn thành nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ, chủ thể thực hiện việc thanh lý tài sản sẽ phải nộp hồ sơ chứng minh hoàn thành việc thanh toán nợ đến cơ quan đăng ký thương mại. Cơ quan đăng ký thương mại sẽ xóa tên công ty trong sổ đăng ký thương mại (khoản 1 Điều 74).

Về quy trình giải thể: Theo pháp luật Vương quốc Anh, quy trình giải thể doanh nghiệp được thực hiện theo hai trường hợp sau:

(1) Trường hợp doanh nghiệp thực hiện đăng ký giải thể

Trong trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu thực hiện giải thể, doanh nghiệp có trách nhiệm thông báo cho các cá nhân, tổ chức có liên quan quyền lợi trực tiếp tới việc giải thể của doanh nghiệp như chủ nợ, thành viên doanh nghiệp, Cơ quan thuế và hải quan Vương quốc Anh (Her Majesty's Revenue and Customs, viết tắt là HMRC), các cơ

quan quản lý tại địa phương, các hội đồng về đào tạo, hỗ trợ doanh nghiệp và các cơ quan chính phủ. Doanh nghiệp có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với các cá nhân, tổ chức nêu trên trước khi đăng ký giải thể. Kể từ ngày chính thức giải thể, tài khoản ngân hàng của doanh nghiệp sẽ bị phong tỏa, các khoản tín dụng, tài sản của doanh nghiệp giải thể thuộc về nhà nước.

Doanh nghiệp đăng ký giải thể điền Hồ sơ giải thể và ký bởi một hoặc nhiều giám đốc (tùy theo loại hình doanh nghiệp). Phí thực hiện thủ tục giải thể là 10 Bảng Anh. Tại thời điểm này, tài khoản công ty không được thực hiện thanh toán khoản phí này. Khoản phí giải thể không được hoàn trả khi doanh nghiệp rút hồ sơ sau khi đã nộp cho Cơ quan quản lý doanh nghiệp.

Trong thời gian 07 ngày kể từ khi nộp hồ sơ giải thể, giám đốc doanh nghiệp có trách nhiệm gửi bản sao tới các cá nhân, tổ chức liên quan như: thành viên (cổ đông), chủ nợ bao gồm cả ngân hàng, đối tác, nhân viên cũ (trong trường hợp doanh nghiệp còn nợ tiền nhân viên cũ), người cho thuê nhà, đất, những người bảo lãnh, HMRC, Cục Quản lý lao động và Quỹ Phúc lợi, nhân viên doanh nghiệp, các giám đốc không ký vào hồ sơ giải thể.

Cơ quan quản lý doanh nghiệp sẽ xem xét hồ sơ giải thể và trong trường hợp hồ sơ được chấp thuận, Cơ quan này sẽ thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Ghi nhận thông tin tại hồ sơ và đưa vào dữ liệu công khai của doanh nghiệp;
- Gửi thông báo ghi nhận việc giải thể tới địa chỉ ghi trên hồ sơ;
- Gửi thông báo tới địa chỉ doanh nghiệp, cho phép doanh nghiệp phản hồi trong trường hợp hồ sơ giải thể là giả mạo;
- Đăng công bố trên Cổng thông tin về doanh nghiệp để các cá nhân, tổ chức liên quan có cơ hội phản đối quyết định giải thể doanh nghiệp;
- Công bố thông tin trên Cổng vào dữ liệu công khai của doanh nghiệp.

Trường hợp không nhận được phản đối về việc giải thể doanh nghiệp, Cơ quan quản lý doanh nghiệp sẽ xóa tên doanh nghiệp khỏi dữ liệu đăng ký không sớm hơn 2 tháng kể từ ngày thông báo. Doanh nghiệp sẽ chính thức giải thể trong thông báo khác trên Cổng thông tin doanh nghiệp.

Trường hợp giám đốc doanh nghiệp vi phạm các quy định về giải thể doanh nghiệp, đặc biệt là việc không thông báo cho các cá nhân, tổ chức liên quan trong vòng 07 ngày, giám đốc doanh nghiệp có thể bị phạt tù lên tới 07 năm. Trường hợp giám đốc vi phạm các quy định khác liên quan đến giải thể doanh nghiệp sẽ bị phạt tước điều kiện làm giám đốc doanh nghiệp trong 15 năm tiếp theo.

Tuy nhiên, doanh nghiệp không đủ điều kiện để yêu cầu giải thể nếu trong thời gian 3 tháng gần nhất, doanh nghiệp có những hoạt động sau:

- Thực hiện các hoạt động kinh doanh;
- Thay đổi tên doanh nghiệp;
- Thực hiện bất kỳ hoạt động nào khác ngoài các hoạt động nhằm phục vụ mục đích giải thể như: (i) đăng ký giải thể, thuê chuyên gia pháp lý tư vấn về giải thể, thanh toán chi phí nộp hồ sơ giải thể; (ii) giải quyết các khoản nợ trong kinh doanh; (iii) đáp ứng các yêu cầu pháp lý;
- Thực hiện thanh lý các tài sản giá trị hoặc quyền lợi mà trước thời điểm dừng hoạt động kinh doanh, được sử dụng để tạo ra lợi nhuận trong hoạt động kinh doanh thông thường.

Ngoài ra, doanh nghiệp không được thực hiện giải thể trong trường hợp:

- Doanh nghiệp là chủ thể giải quyết các thủ tục phá sản;
- Doanh nghiệp phải giải quyết các vướng mắc với chủ nợ, thành viên doanh nghiệp;
- Doanh nghiệp sở hữu cổ phiếu vô danh – là những cổ phiếu không có thông tin chủ sở hữu là những cổ đông của doanh nghiệp.

(2) Trường hợp Cơ quan quản lý doanh nghiệp yêu cầu giải thể

Doanh nghiệp có thể được đề nghị giải thể trong trường hợp có đầy đủ lý do để tin rằng doanh nghiệp không còn thực hiện hoạt động kinh doanh, như:

- Doanh nghiệp không thực hiện nghĩa vụ gửi báo cáo tới cơ quan đăng ký kinh doanh;
- Thư gửi của cơ quan đăng ký kinh doanh tới địa chỉ doanh nghiệp bị trả lại;
- Doanh nghiệp không có giám đốc.

Trước khi giải thể doanh nghiệp, cơ quan đăng ký kinh doanh gửi hai thư thông báo chính thức và gửi thông báo tới địa chỉ đăng ký của doanh nghiệp để xác nhận nếu doanh nghiệp còn thực hiện hoạt động kinh doanh. Trường hợp doanh nghiệp không còn kinh doanh, cơ quan này công bố trên Cổng thông tin doanh nghiệp về việc xóa tên doanh nghiệp khỏi dữ liệu đăng ký. Bản sao thông báo sẽ được đưa vào dữ liệu công khai của doanh nghiệp. Nếu không có ý kiến phản đối việc giải thể doanh nghiệp, cơ quan đăng ký kinh doanh sẽ tiến hành xóa tên doanh nghiệp sau hai tháng kể từ ngày gửi thông báo.

Bên cạnh đó, tại Anh, giám đốc doanh nghiệp vi phạm các quy định trong giải thể doanh nghiệp có thể chịu các mức phạt không giới hạn, hoặc phạt tù tối đa 07 năm, hoặc có thể bị tước điều kiện làm giám đốc trong vòng 15 năm. Đây là các mức phạt nghiêm khắc, có giá trị răn đe cao đối với các cá nhân không chấp hành nghiêm túc các quy định pháp luật.

Như vậy, pháp luật về giải thể doanh nghiệp của các quốc gia Châu Âu như Đức, Vương quốc Anh được quy định tương đối chặt chẽ nhưng cũng không kém phần linh hoạt, mềm dẻo, tạo điều kiện cho doanh nghiệp rút khỏi thị trường một cách nhanh chóng và thuận lợi khi doanh nghiệp không thể tiếp tục tồn tại. Đồng thời, giải quyết kịp thời quyền lợi của các chủ thể liên quan đến doanh nghiệp giải thể chính là mục tiêu mà các quốc gia này hướng tới.

1.4.3. Quy định về giải thể của một số quốc gia Châu Á

Quy định về giải thể doanh nghiệp: Với nỗ lực thúc đẩy Singapore trở thành một trung tâm quốc tế về tái cơ cấu nợ, đất nước này đã thông qua Đạo luật về Phá sản, Tái cơ cấu và Giải thể vào ngày 31/10/2018. Tại Singapore, việc doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường được quy định khá cụ thể dựa trên tình trạng kinh doanh và những vấn đề pháp lý liên quan đến doanh nghiệp. Những trường hợp doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường bao gồm:

- Doanh nghiệp đã dừng các hoạt động kinh doanh hoặc không có khả năng tạo lợi nhuận;
- Doanh nghiệp không có khả năng thanh toán các khoản nợ;
- Doanh nghiệp có những tranh chấp không thể hòa giải giữa các cổ đông;
- Việc tái cơ cấu về tổ chức, tài chính của công ty mẹ mà doanh nghiệp là thành viên;

- Doanh nghiệp gặp khó khăn trong kinh doanh và chủ doanh nghiệp không muốn tiếp tục chi phí duy trì;
- Doanh nghiệp vi phạm những quy định pháp luật.

Có hai hình thức cho phép doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường đó là giải thể (striking off) và phá sản (winding up). Tương tự như ở Việt Nam, giải thể và phá sản là hai quy trình pháp lý khác nhau để chấm dứt một doanh nghiệp.

Về các trường hợp giải thể doanh nghiệp: Ở Singapore, giải thể là quy trình đơn giản hơn, nhanh chóng và ít tốn kém hơn. Tuy nhiên, để thực hiện giải thể, doanh nghiệp phải đảm bảo các điều kiện nhất định theo quy định của Luật Công ty, cụ thể như sau:

- Công ty phải ngừng kinh doanh hoặc không kinh doanh bắt đầu từ ngày thành lập công ty.
- Công ty không có tài sản và các khoản nợ phải trả trong hiện tại và tương lai. Khi công ty nộp Biên bản kiểm toán cuối cùng thì Biên bản không có các tài sản và nợ phải trả. Trường hợp Biên bản kiểm toán vẫn bao gồm tài sản và nợ phải trả, công ty phải nộp giấy tờ chứng minh tài sản đã được bố trí thanh lý và các khoản nợ đã được thanh toán hoặc đã được xóa nợ.
- Giám đốc phải có được sự đồng ý bằng văn bản của đa số các cổ đông
- Công ty phải nộp Biên bản kiểm toán cuối cùng đối với công ty TNHH là công ty đại chúng hoặc Bản cân đối tài chính chưa được kiểm toán cuối cùng đối với các loại hình doanh nghiệp khác.
- Công ty không còn khoản nợ thuế nào đối với cơ quan thuế Singapore (IRAS).
- Công ty không còn khoản nợ đóng quỹ phúc lợi cho người lao động đối với cơ quan quản lý phúc lợi Singapore (CPF).
- Công ty không có khoản nợ nào đối với các cơ quan nhà nước Singapore.
- Công ty không đang chấp hành hình phạt nào do vi phạm pháp luật.
- Công ty không được tham gia vào bất kỳ thủ tục tố tụng tòa án (trong hoặc ngoài Singapore)

Về quy trình giải thể: Pháp luật Singapore quy định doanh nghiệp đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh (ACRA) về việc giải thể doanh nghiệp theo quy định tại Mục

344 Luật Doanh nghiệp. Trong vòng 14 ngày, ACRA sẽ chấp thuận đề nghị giải thể của doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp đáp ứng đầy đủ các điều kiện về giải thể theo quy định của pháp luật.

Giám đốc, thư ký doanh nghiệp nộp hồ sơ giải thể trực tuyến thông qua Bizfile. Nếu hồ sơ được chấp thuận, ACRA sẽ gửi Văn bản thông báo về việc giải thể doanh nghiệp tới địa chỉ đăng ký của doanh nghiệp, địa chỉ nơi thường trú của giám đốc, thư ký doanh nghiệp, cơ quan thuế Singapore, cơ quan quản lý phúc lợi Singapore.

Trường hợp không có ý kiến khác về việc giải thể doanh nghiệp, ACRA sẽ công bố tên doanh nghiệp trên Cổng thông tin Chính phủ. Đây được coi là Thông báo đầu tiên về giải thể doanh nghiệp.

Sau 60 ngày kể từ ngày công bố lần đầu tiên, nếu không nhận được ý kiến phản hồi khác, ACRA sẽ công bố tên doanh nghiệp trên Cổng thông tin Chính phủ lần thứ hai và tên doanh nghiệp sẽ bị xóa khỏi dữ liệu đăng ký. Ngày giải thể doanh nghiệp sẽ được ấn định và thông báo này sẽ được coi là Thông báo cuối cùng về giải thể doanh nghiệp. Như vậy, toàn bộ quá trình giải thể doanh nghiệp tại Singapore mất ít nhất 04 tháng.

Tại Malaysia, việc giải thể doanh nghiệp được thực hiện như sau: Cơ quan đăng ký kinh doanh sẽ gỡ bỏ tên của doanh nghiệp đã đăng ký ra khỏi Hệ thống nếu cơ quan đăng ký kinh doanh có đủ cơ sở để tin rằng:

- Công ty không hoạt động hoặc tiến hành kinh doanh căn cứ khoản 1 điều 308 Luật công ty 1965.

- Công ty bị phá sản nhưng không có người đứng ra thực hiện thủ tục thanh lý tài sản như điểm a khoản 3 điều 308 Luật công ty 1965.

- Công ty không có đủ tài sản hoặc quỹ để chi trả các khoản chi phí bao gồm cả chi phí liên quan đến quyết định của tòa án để giải thể công ty căn cứ điểm c khoản 3 điều 308.

Công ty đã bị gạch tên sẽ bị giải thể vào ngày công bố thông báo trên trang Công báo của Malaysia.

Như vậy, việc giải thể doanh nghiệp là một yêu cầu tất yếu của doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp không còn nhu cầu kinh doanh hoặc khả năng duy trì sự tồn tại của doanh nghiệp. Từ thực tế đó, giải thể doanh nghiệp là một nghiệp vụ pháp lý

cho phép doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường và phần lớn phục vụ cho các doanh nghiệp chủ động dừng kinh doanh, không còn các khoản nợ phải trả, không vi phạm các quy định pháp luật tại thời điểm tiến hành giải thể. Phần lớn các doanh nghiệp thực hiện giải thể qua hình thức tự nguyện và do đó, việc giải thể doanh nghiệp được tiến hành trong thời hạn cho phép, đảm bảo công khai tới các chủ thể liên quan

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG THI HÀNH PHÁP LUẬT GIẢI THỂ DOANH NGHIỆP Ở VIỆT NAM

2.1. Thực trạng giải thể doanh nghiệp ở Việt Nam trong thời gian vừa qua

Theo số liệu mới nhất từ Tổng cục Thống kê - Bộ Kế hoạch và Đầu tư, năm 2020 có tổng cộng 101,7 nghìn doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể và hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 13,9% so với năm trước. Trong đó, gồm 46,6 nghìn doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, tăng 62,2%; gần 37,7 nghìn doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, giảm 13,8%; gần 17,5 nghìn doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 3,7%. Như vậy, tính trung bình mỗi tháng có gần 8,5 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường. Đây là con số chưa từng có trong 10 năm trở lại đây. Việc doanh nghiệp buộc tạm dừng, chờ phá sản, hoàn tất thủ tục giải thể gia tăng trong thời điểm hiện nay đã phản ánh sự khó khăn của điều kiện sản xuất, kinh doanh và tổng cầu một số ngành đã và đang giảm sâu do tác động của đại dịch Covid-19. Báo cáo từ Tổng cục Thống kê cho thấy, 5 tháng đầu năm 2021, do ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19 đã có 59.800 doanh nghiệp (DN) tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể và hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 23% so với cùng kỳ năm 2020.

Theo đó, tính trung bình mỗi tháng, có gần 12.000 DN rút lui khỏi thị trường. Ở chiều ngược lại, cả nước có gần 55.800 DN đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là 778.300 tỉ đồng và tổng số lao động đăng ký là 412.400, tăng 15,4% về số DN và tăng 39,5% về vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, còn có gần 22.600 DN quay trở lại hoạt động, tăng 3,9% so với cùng kỳ năm trước, nâng tổng số thành lập mới và quay trở lại hoạt động trong 5 tháng đầu năm nay lên 78.300 DN. Như vậy, trung bình mỗi tháng có gần 15.700 DN thành lập mới và quay trở lại hoạt động. Bên cạnh đó, số lượng doanh nghiệp giải thể, phá sản là kết quả tất yếu của quy luật cạnh tranh, thanh lọc, đào thải của thị trường. Những doanh nghiệp yếu kém, không đủ sức cạnh tranh sẽ bị loại bỏ để thay vào đó là những doanh nghiệp mới với những ý tưởng kinh doanh mới có chất lượng hơn.

Việc số lượng doanh nghiệp giải thể ngày càng tăng qua thực tiễn giải quyết rất nhiều dịch vụ để tiến hành các thủ tục giải thể doanh nghiệp, chúng tôi nhận thấy có một số lý do như sau:

- *Thứ nhất, lý do khó khăn kinh tế.*

Đại dịch Covid-19 trong giai đoạn 2019-2021 ảnh hưởng không nhỏ đến kinh tế Việt Nam. Môi trường kinh doanh nước ta chủ yếu là doanh nghiệp vừa và nhỏ, hoạt động nhiều khu vực chế biến và dịch vụ, gần với người tiêu dùng. Tình hình xuất nhập khẩu gần như bị đóng cửa. Dẫn đến các doanh nghiệp vừa và nhỏ gặp khó khăn dẫn đến tình trạng giải thể.

Thứ hai, doanh nghiệp buộc phải giải thể do bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

Theo số liệu tổng hợp của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, thì ngoài nguyên nhân làm ăn không hiệu quả, thì việc doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp dẫn đến giải thể cũng khá phổ biến. Doanh nghiệp có thể bị thu hồi Giấy chứng nhận bởi những lý do: giả mạo nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký kinh doanh; doanh nghiệp do những người bị cấm thành lập;...

Thứ ba, liên quan đến việc thành lập doanh nghiệp tràn lan.

Từ khi Luật doanh nghiệp 2020 có hiệu lực, vấn đề đăng ký thành lập doanh nghiệp trở nên dễ dàng hơn. Hồ sơ đơn giản, thủ tục nhanh gọn, chủ doanh nghiệp có thể tự mình thực hiện. Mặt khác, nền kinh tế đang hòa nhập phát triển nhanh, việc buôn bán hàng hóa qua các mạng xã hội, online kiếm lời dễ dàng, nhanh chóng; nhiều loại hàng hóa, dịch vụ trở nên phát triển rất nhanh trong một thời gian ngắn. Nhiều doanh nghiệp với quy mô nhỏ hoạt động theo hình thức này ra đời. Tuy nhiên, vì kinh doanh theo thời vụ chỉ diễn ra trong thời gian ngắn, hoạt động kinh doanh không thể kéo dài, dẫn tới giải thể.

Bên cạnh việc doanh nghiệp tiến hành giải thể, còn có một tình trạng đáng chú ý, đó là việc một số chủ doanh nghiệp không tiến hành giải thể, do không biết, hoặc chính họ tìm cách “lờ” đi vấn đề này. Để tránh giải thể, chủ doanh nghiệp chọn cách đăng ký tạm dừng hoạt động, đến hết thời hạn tạm dừng, chủ doanh nghiệp cũng không tiếp tục tiến hành giải thể, coi việc tạm dừng như dấu chấm hết cho doanh nghiệp của mình. Song điều này là không đúng, căn cứ theo quy định tại điều 57 Nghị định 78/2015/NĐ-CP về đăng ký doanh nghiệp: thời hạn tạm ngừng kinh doanh không quá 1 năm, tổng thời gian tạm ngừng kinh doanh liên tiếp không được quá 02 năm.

Một trong những nguyên nhân khiến chủ doanh nghiệp tránh giải thể, đó là vấn đề phức tạp liên quan đến thủ tục giải thể tại cơ quan thuế. Với mọi loại hình doanh nghiệp, không kể thời gian thành lập được bao lâu, các thủ tục cơ bản khi xử lý bên thuế, bao gồm:

- Nộp tờ khai thuế các quý;
- Quyết toán thuế thu nhập cá nhân;
- Quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp;
- Báo cáo tài chính.

Việc thực hiện các công việc trên cần kế toán có chuyên môn thực hiện. Trường hợp doanh nghiệp không có kế toán thực hiện được, thì cần thuê những đơn vị khác cung cấp dịch vụ kế toán bên ngoài để hỗ trợ doanh nghiệp khi lâm vào tình trạng giải thể.

Với sự gia tăng giải thể doanh nghiệp trong những năm gần đây. Chúng tôi, những đơn vị thực hiện các dịch vụ thủ tục hành chính có lời khuyên đến các cá nhân, pháp nhân đang có ý định thành lập doanh nghiệp nên chuẩn bị những kế hoạch phù hợp cho hoạt động kinh doanh của mình để hạn chế được những rủi ro tối thiểu, tránh trường hợp mới chỉ thành lập chỉ được thời gian ngắn, thậm chí là vài hôm đã tiến hành giải thể gây những tổn thất về kinh tế, công sức và thời gian của doanh nghiệp cũng như phía các cơ quan nhà nước.

2.2. Nhưng bất cập của các quy định Luật doanh nghiệp 2020 về giải thể doanh nghiệp.

- Thành phần hồ sơ trong thủ tục giải thể chưa rõ ràng, còn yêu cầu trùng lặp hồ sơ giữa các thủ tục thực hiện tại cơ quan nhà nước khác nhau. Điều này dẫn đến sự tùy tiện, thiếu thống nhất trong yêu cầu hồ sơ từ phía các cơ quan nhà nước tại quá trình giải quyết thủ tục và khiến doanh nghiệp phải mất nhiều công sức để chuẩn bị. Quy định của pháp luật hiện hành về thủ tục giải thể doanh nghiệp cho thấy quy định về giải thể doanh nghiệp còn rải rác tại rất nhiều văn bản quy phạm pháp luật thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau, bao gồm các quy định trong lĩnh vực thuế, đăng ký doanh nghiệp, công an, hải quan, bảo hiểm. Các thủ tục hành chính này được giải quyết tại nhiều cơ quan nhà nước khác nhau. Do đó, doanh nghiệp phải rất vất vả mới làm xong các thủ tục, làm mất rất nhiều thời gian và tốn kém chi phí.

- Chưa có quy chế liên thông, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan nhà nước. Doanh nghiệp khi thực hiện giải thể phải cung cấp cùng một loại giấy tờ nhiều lần, tại nhiều cơ quan nhà nước khác nhau. Ví dụ: Trường hợp làm Quyết định giải thể của doanh nghiệp, trong quá trình làm thủ tục giải thể, doanh nghiệp phải nộp nhiều loại giấy tờ cho các cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan quan thuế, cơ quan hải quan, cơ quan bảo hiểm và cơ quan công an.

- Quy trình giải quyết các thủ tục “con dấu” có liên quan đến giải thể doanh nghiệp cũng chưa hợp lý. Ví dụ: Thủ tục hủy con dấu và giấy tờ chứng nhận mẫu dấu phải thực hiện trước khi gửi bộ hồ sơ đến cơ quan đăng ký doanh nghiệp để xin giải thể. Trường hợp doanh nghiệp phát sinh việc phải sử dụng con dấu sẽ khó khăn cho doanh nghiệp, vì lúc này doanh nghiệp vẫn chưa chính thức được giải thể nhưng con dấu đã bị hủy.

- Chế tài xử lý đối với chủ doanh nghiệp không thực hiện nghĩa vụ giải thể doanh nghiệp khi đã chấm dứt hoạt động chưa đủ răn đe, nhiều chủ doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật không quan tâm đến nghĩa vụ giải thể và phá sản doanh nghiệp.

- *Quy định về điều kiện giải thể doanh nghiệp.* Luật quy định doanh nghiệp phải trả hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác mới được giải thể, mà không lưu tâm đến các nghĩa vụ khác của doanh nghiệp khi giải thể. Ví dụ, nghĩa vụ bảo vệ môi trường của những doanh nghiệp đặc thù, doanh nghiệp có các hoạt động có nguy cơ gây ảnh hưởng đến môi trường (như DN kinh doanh trong lĩnh vực y tế, kinh doanh hóa chất).

- Pháp luật có quy định về các hoạt động bị cấm kể từ khi có quyết định giải thể tại Điều 211, Luật Doanh nghiệp 2020, tuy nhiên lại chưa có quy định về chế tài áp dụng với doanh nghiệp, người quản lý doanh nghiệp nếu thực hiện các hoạt động bị cấm, kể từ khi có quyết định giải thể. Luật Doanh nghiệp 2020 chỉ chung chung, “*Tùy theo tính chất và mức độ vi phạm, cá nhân có hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này có thể bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường*”.

VD: Thủy điện Hoàng Anh Sài Gòn

Hoàng Anh Gia Lai (HAGL, HAG) đã thông qua việc giải thể công ty con do Công ty nắm giữ 99% vốn điều lệ là CTCP Thủy điện Hoàng Anh Sài Gòn. Hiện, thủy điện Hoàng Anh Sài Gòn có trụ sở tại quận 10, Tp.HCM và được thành lập vào đầu năm

2018. HAGL giao cho Tổng giám đốc là ông Võ Trường Sơn đại diện vốn Công ty và HĐQT, Ban giám đốc Thủy điện Hoàng Anh Sài Gòn triển khai các thủ tục theo quy định.

Trước đó, HAGL cũng vừa thông qua Nghị quyết về việc chuyển nhượng 248,5 triệu cổ phần tại Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai, tương đương 99,4% vốn điều lệ. Mục đích nhằm đẩy mạnh công tác tái cấu trúc Tập đoàn theo hướng mạnh dạn thoái vốn khỏi những ngành, lĩnh vực không hiệu quả và tăng cường tập trung vào nông nghiệp. Tiếp nối động thái cuối tháng 9/2019: Công ty đã thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ vốn góp tại Công ty TNHH V&H Corporation (Lào) liên quan đến Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai, phần vốn chuyển nhượng chiếm 80% vốn tại V&H Corporation.

Với động thái này, HAGL đã hoàn toàn rút khỏi mảng thủy điện, tiếp nối động thái trước đó rút hoàn toàn khỏi mảng bất động sản, chăn nuôi bò...

Về kinh doanh, quý 4/2019 với doanh thu 610 tỷ đồng, giảm mạnh so với mức 1.069 tỷ cùng kỳ. Nguyên nhân do không còn khoảng thu từ những mảng đã thoái, đồng thời doanh thu trái cây giảm 226 tỷ do không còn hợp nhất doanh thu từ nhóm Công ty Đông Dương và Cao su Trung Nguyên.

Mặt khác, tiếp tục thực hiện đánh giá lại các tài sản không hiệu quả và điều chỉnh chi phí đầu tư vườn cao su, chuyển đổi mục đích sang trồng cây ăn trái khiến Công ty lỗ sau thuế 343 tỷ quý cuối năm.

Lũy kế cả năm, HAGL ghi nhận doanh thu 2.099 tỷ do giảm đáng kể nguồn thu từ bò, thủy điện, bất động sản... Tiếp tục đánh giá lại tài sản cũng như chuyển đổi chi phí khiến Tập đoàn báo lỗ sau thuế hơn 1.609 tỷ đồng.

2.3. Thực trạng áp dụng pháp luật về giải thể doanh nghiệp ở Việt Nam

2.3.1. Khái quát tình hình áp dụng pháp luật về chấm dứt doanh nghiệp ở Việt Nam trong thời gian qua

* Tình hình thực thi pháp luật về giải thể doanh nghiệp

Kể từ sau thời điểm Luật Doanh nghiệp 2020 có hiệu lực, việc thực thi pháp luật về giải thể doanh nghiệp được đẩy mạnh hơn. Điều này thể hiện qua thực tế như sau:

Thứ nhất, số lượng doanh nghiệp chấm dứt thông qua hình thức giải thể tăng sau khi ban hành Luật Doanh nghiệp 2020.

Số liệu của Cục Quản lý đăng ký kinh doanh cho thấy, số doanh nghiệp thành lập mới trong 8 tháng đầu năm 2021 là 81.584 doanh nghiệp, giảm 8% so với cùng kỳ năm 2020. Đây là lần thứ 2 số doanh nghiệp thành lập mới trong 8 tháng đầu năm có sự giảm sút trong giai đoạn 2016-2021. Trước đó, năm 2020 có mức giảm 2% so với năm 2019. Trong khi đó, trung bình 8 tháng đầu năm giai đoạn 2016-2020, tỷ lệ doanh nghiệp thành lập mới tăng 8%. Cùng xu hướng đó, số vốn đăng ký thành lập trong 8 tháng đầu năm 2021 đạt 1.133.369 tỷ đồng, giảm 7,5% so với cùng kỳ năm 2020. Đây là lần đầu tiên trong 8 tháng giai đoạn 2016-2021, số vốn đăng ký thành lập có sự giảm sút.

Bên cạnh đó, dưới tác động của dịch bệnh, số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường trong 8 tháng đầu năm 2021 tiếp tục có sự gia tăng, với 85.508 doanh nghiệp, tăng 24,2% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, có 43.165 doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh, chiếm đến 50,5% tổng số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường trong 8 tháng đầu năm 2021. Trung bình mỗi tháng có 10.689 doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường. Tính riêng TP. Hồ Chí Minh, trong 8 tháng đầu năm 2021 có 24.010 doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường (chiếm 28,1% số doanh nghiệp rút lui của cả nước), tăng 6,6% so với cùng kỳ năm 2020. Sự gia tăng về doanh nghiệp rút lui chủ yếu đến từ sự gia tăng số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn (12.621 doanh nghiệp, tăng 20,2%).

Thứ hai, việc thực hiện quy định về công bố nội dung giải thể trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp tiếp tục được thực hiện nghiêm túc. Theo thống kê của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, kể từ khi Luật Doanh nghiệp năm 2020 có hiệu lực, số lượt thực hiện công bố nội dung về giải thể doanh nghiệp tăng hơn so với các năm trước đó.

Quy định về việc công bố tập trung, công khai quyết định giải thể doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp được đánh giá là một bước tiến lớn trong cải cách thủ tục hành chính về đăng ký doanh nghiệp; góp phần giảm thời gian, chi phí cho doanh nghiệp trong quá trình công khai thông tin, đồng thời, giúp các bên thứ ba, bao gồm người lao động, các đối tác, bạn hàng của doanh nghiệp, cơ quan thuế, cơ quan bảo hiểm... có thông tin đầy đủ, kịp thời để tự bảo vệ quyền lợi cho mình.

Thứ ba, Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp được sử dụng tích cực hơn trong giải quyết thủ tục đăng ký giải thể doanh nghiệp.

Theo quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020 thì kết quả cuối cùng của thủ tục giải thể doanh nghiệp là “*cơ quan đăng ký kinh doanh cập nhật tình trạng pháp lý của doanh*

nghiệp trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp” tại Luật Doanh nghiệp năm 2020 thay vì “cơ quan đăng ký kinh doanh xóa tên doanh nghiệp trong sổ đăng ký kinh doanh” như trước đây tại Luật Doanh nghiệp 2014.

Quy định này đã khẳng định lại vai trò của Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (trong đó bao gồm Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và hạ tầng kỹ thuật hệ thống) trong việc lưu trữ, hiển thị hoặc thực hiện các nghiệp vụ khác đối với dữ liệu để phục vụ công tác đăng ký doanh nghiệp. Quy định này theo đó cũng góp phần xây dựng và triển khai Chính phủ điện tử theo Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/03/20219 về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025 Chính phủ, khẳng định vai trò của công nghệ thông tin vào việc nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia trong quá trình hội nhập quốc tế; đẩy mạnh quá trình minh bạch hóa thông tin về tình trạng pháp lý của doanh nghiệp đối với xã hội nói chung.

Thứ tư, nâng cao cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong việc thực hiện thủ tục giải thể doanh nghiệp

Để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục giải thể, đồng thời đảm bảo công tác quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp giải thể, Nghị định số 01/2021/NĐ-CP đã bổ sung một số quy định về cơ chế phối hợp trong công tác giữa cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế trong việc giải thể doanh nghiệp. Theo đó, sau khi nhận được hồ sơ giải thể của doanh nghiệp quy định tại Khoản 1 Điều 210 Luật Doanh nghiệp năm 2020, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông tin về việc doanh nghiệp đăng ký giải thể cho cơ quan thuế. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin của Phòng Đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế gửi ý kiến về việc giải thể của doanh nghiệp đến Phòng đăng ký kinh doanh. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ giải thể, Phòng Đăng ký kinh doanh chuyển tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp sang tình trạng giải thể nếu không nhận được ý kiến từ chối của cơ quan thuế, đồng thời ra Thông báo về việc giải thể của doanh nghiệp.

Thứ 5 do dịch bệnh Covid khiến cho thị trường gần như đóng băng, Doanh nghiệp cũng vì đây mà không trụ vững.

Từ đầu năm 2020, dịch bệnh Covid-19 đã gây tác động tiêu cực đến kinh tế - xã hội của các quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Với tinh thần đồng hành cùng

doanh nghiệp, thời gian qua, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã kịp thời ban hành nhiều chính sách, giải pháp hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, góp phần duy trì tăng trưởng GDP dương năm 2020 và 6 tháng đầu năm 2021 đạt 5,64%. Tuy nhiên, hiện nay tình hình dịch bệnh Covid-19 vẫn đang diễn biến hết sức phức tạp, tốc độ lây lan rất nhanh (nhất là đợt dịch bùng phát trong tháng 7/2021), ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Các doanh nghiệp đang tiếp tục phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, trong khi các nguồn lực dự trữ đang cạn dần, thị trường chưa có dấu hiệu phục hồi hoặc đang phục hồi rất chậm.

Sự bùng phát mạnh của làn sóng Covid-19 lần thứ tư cùng với các đợt phong tỏa, giãn cách liên tiếp và nghiêm ngặt nhất kể từ khi dịch bệnh xảy ra đã khiến các hoạt động sản xuất kinh doanh trong nhiều lĩnh vực bị ảnh hưởng nặng nề; nhiều nhà máy sản xuất, đặc biệt là ở khu vực phía Nam phải tạm ngừng hoạt động trong thời gian phong tỏa; hoạt động vận tải hàng hóa và chuỗi cung ứng cho sản xuất cũng bị gián đoạn... Nếu như tình hình đăng ký doanh nghiệp nửa đầu năm 2021 vẫn còn có điểm sáng thì sang đến tháng 8 năm 2021, số liệu về tình hình doanh nghiệp gia nhập và rút lui khỏi thị trường lại cho thấy những diễn biến phức tạp của dịch bệnh trong đợt bùng phát thứ 4 đã gây ra những tác động tiêu cực lớn đến tình hình sản xuất kinh doanh và phát triển của các doanh nghiệp.

2.3.2. Đánh giá những yếu tố ảnh hưởng đến việc thực thi pháp luật về giải thể doanh nghiệp hiện nay ở Việt Nam

Thủ tục giải thể doanh nghiệp được tại nhiều văn bản quy phạm pháp luật thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau, bao gồm các quy định trong lĩnh vực thuế, đăng ký doanh nghiệp, công an, hải quan, bảo hiểm. Để thực hiện giải thể, doanh nghiệp phải thực hiện một loạt các thủ tục với cơ quan nhà nước. Điều này dẫn đến sự tùy tiện, thiếu thống nhất trong yêu cầu hồ sơ từ phía các cơ quan nhà nước trong quá trình giải quyết thủ tục và khiến doanh nghiệp phải mất nhiều công sức để chuẩn bị. Thêm vào đó, do chưa có một quy chế liên thông, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục giải thể phải cung cấp cùng một loại giấy tờ nhiều lần, tại nhiều cơ quan nhà nước khác nhau. Ví dụ: Quyết định giải thể của doanh nghiệp, trong quá trình làm thủ tục giải thể doanh nghiệp vừa phải nộp cho cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế, cơ quan Hải quan, cơ quan bảo hiểm xã hội và cơ quan công an.

Luật Doanh nghiệp chưa có hướng dẫn về thủ tục giải thể đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư đồng thời là giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư đồng thời Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, việc chấm dứt dự án đầu tư đã được quy định tại Luật Đầu tư năm 2020. Theo đó, cơ quan đăng ký đầu tư quyết định chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư mà không thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư đồng thời Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Trong trường hợp này, nội dung đăng ký kinh doanh tại Giấy chứng nhận đầu tư đồng thời Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tiếp tục có hiệu lực. Tuy nhiên, Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật Đầu tư năm 2020 và các văn bản hướng dẫn chưa có quy định về việc thu hồi nội dung đăng ký kinh doanh trên Giấy chứng nhận đầu tư cũng như việc xử lý đối với dự án đầu tư sau khi cơ quan đăng ký kinh doanh thu hồi nội dung đăng ký kinh doanh trên Giấy chứng nhận đầu tư. Vấn đề này đã làm cho cơ quan quản lý nhà nước cũng như doanh nghiệp còn lúng túng, thực hiện không thống nhất, gây tốn kém thời gian và nguồn lực cho xã hội.

Chế tài xử phạt đối với chủ doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật không chấp hành quy định về giải thể doanh nghiệp chưa đủ sức răn đe. Luật Doanh nghiệp năm 2020 không có quy định cấm cá nhân chưa thực hiện xong nghĩa vụ giải thể thì không được thành lập doanh nghiệp mới. Do vậy, các cá nhân vi phạm quy định về giải thể đã lợi dụng sự thông thoáng của pháp luật để thực hiện đăng ký thành lập doanh nghiệp mới nhằm mục đích tẩu tán tài sản, ảnh hưởng đến sự minh bạch của thị trường.

2.3.3. Về chế tài xử lý đối với người quản lý của doanh nghiệp giải thể

Trong một số trường hợp, khi làm hồ sơ giải thể, chủ doanh nghiệp hoặc người quản lý doanh nghiệp kê khai không trung thực, không chính xác các khoản nợ, hoặc chỉ thông báo về các khoản nợ đối với các cơ quan nhà nước, giấu những khoản nợ với các chủ nợ cá nhân, các khoản nợ lương của người lao động hoặc kê khai rằng đã thanh toán hết các khoản nợ để đủ điều kiện được giải thể dù trên thực tế họ chưa hoàn thành các nghĩa vụ tài chính đó. Luật Doanh nghiệp năm 2020 không có quy định về trách nhiệm của chủ doanh nghiệp, người quản lý doanh nghiệp trong trường hợp kê khai không trung thực, không chính xác này.

Để giải quyết vấn đề nêu trên, Khoản 2, Khoản 3 Điều 210 Luật Doanh nghiệp năm 2020 có quy định về trách nhiệm cá nhân đối với tính trung thực, chính xác của hồ

sơ giải thể doanh nghiệp. Theo đó, thành viên Hội đồng quản trị CTCP, thành viên Hội đồng thành viên công ty TNHH, chủ sở hữu công ty, chủ DNTN, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, thành viên hợp danh, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của hồ sơ giải thể doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ giải thể không chính xác, giả mạo, những người nêu trên phải liên đới chịu trách nhiệm thanh toán số nợ chưa thanh toán, số thuế chưa nộp và quyền lợi của người lao động chưa được giải quyết và chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật về những hệ quả phát sinh trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày nộp hồ sơ giải thể doanh nghiệp đến cơ quan đăng ký kinh doanh. Quy định nêu trên được đánh giá là góp phần nâng cao trách nhiệm của người quản lý thông qua việc làm rõ trách nhiệm cá nhân của người quản lý doanh nghiệp trong việc thực hiện quy định về giải thể doanh nghiệp.

Tuy nhiên, chế tài xử phạt đối với chủ doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật không chấp hành quy định về giải thể doanh nghiệp chưa đủ sức răn đe. Điều 58 Nghị định số 122/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư quy định: “Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không tiến hành thủ tục giải thể đối với doanh nghiệp thuộc các trường hợp bị giải thể theo quy định của pháp luật”.

2.3.4. Chưa có cơ chế cho phép khôi phục tình trạng pháp lý của doanh nghiệp sau khi bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 125 Luật Quản lý thuế năm 2019, thì một trong những biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế là việc cơ quan thuế yêu cầu cơ quan đăng ký kinh doanh thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp vi phạm. Biện pháp cưỡng chế này sẽ được chấm dứt hiệu lực kể từ khi tiền thuế, tiền phạt đã được nộp vào ngân sách nhà nước.

Trên cơ sở đó, Nghị định số 01/2021/NĐ-CP đã bổ sung quy định về việc khôi phục tình trạng pháp lý sau khi thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Theo đó, trường hợp xác định doanh nghiệp không thuộc trường hợp phải thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh ra quyết định hủy bỏ quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và đề nghị khôi phục tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Quy định này được xây dựng với mục đích tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho doanh nghiệp được hoạt động kinh doanh trở lại khi đã kịp thời khắc phục hậu quả do vi phạm quy định pháp luật về đăng ký doanh nghiệp.

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC THI PHÁP LUẬT VỀ GIẢI THỂ DOANH NGHIỆP Ở VIỆT NAM

3.1. Yêu cầu hoàn thiện pháp luật và thực thi pháp luật về giải thể của doanh nghiệp ở Việt Nam

Với tư cách là một thành phần quan trọng của thể chế KTTT, việc hoàn thiện cũng như nâng cao hiệu quả thực thi của các quy định về giải thể Doanh nghiệp cần được xem là yêu cầu quan trọng góp phần đảm bảo sự vận hành lành mạnh và bền vững của thị trường, từ đó thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, sự hiện diện ngày càng nhiều của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam cũng sẽ khiến các vấn đề pháp lý phát sinh từ các trường hợp giải thể ngày càng trở nên đa dạng và phức tạp hơn. Các trường hợp giải thể liên quan đến doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đòi hỏi phải áp dụng các quy định mà các vụ việc thông thường không phát sinh như vấn đề công nhận và cho thi hành bản án, quyết định của toà án, trọng tài nước ngoài, xác định người phải thi hành trong nước, nước ngoài, xác định pháp luật áp dụng, xác định thẩm quyền của quản tài viên trong việc quản lý giám sát tài sản của doanh nghiệp. Những vấn đề pháp lý này vừa đòi phải nâng cao năng lực của thẩm phán, vừa đòi hỏi pháp luật về giải thể phải có những hướng dẫn đầy đủ, rõ ràng về những vấn đề có thể phát sinh, đồng thời phải tăng cường việc ký kết các hiệp định về hỗ trợ và tương trợ tư pháp, thực hiện phối hợp chặt chẽ và hiệu quả hơn giữa các cơ quan nhà nước trong và ngoài nước để đảm bảo giải quyết một cách thích hợp các tình huống giải thể, phá sản doanh nghiệp. Việc hoàn thiện pháp luật về chấm dứt doanh nghiệp cũng như nâng cao hiệu quả thực thi các quy định này trên thực tế cần đảm bảo các yêu cầu này.

Các chế định ngày càng được hoàn thiện và về cơ bản là phù hợp với các quy tắc về giải thể doanh nghiệp trên thế giới. Do vậy, trong thời gian tới, bên cạnh việc sửa đổi, bổ sung một số quy tắc chưa thực sự phù hợp như đã phân tích ở trên, vấn đề cần được nhấn mạnh chính là nâng cao hiệu quả thực thi các quy định về giải thể đảm bảo những quy định này thực sự phát huy vai trò làm lành mạnh hóa thị trường. Những giải pháp về

vấn đề này, do vậy sẽ bao gồm hai khía cạnh là hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi.

3.1.1. Giải pháp về hoàn thiện pháp luật

Mặc dù về cơ bản, pháp luật về giải thể ở Việt Nam cho đến nay đã tương đối phù hợp với các thông lệ chung của pháp luật phá sản, việc nâng cao hiệu lực của các quy tắc về phá sản đòi hỏi phải hoàn thiện một số khía cạnh như sau:

Thứ nhất, xây dựng quy trình liên thông trong giải quyết thủ tục giải thể doanh nghiệp trong đó xác định cơ quan đầu mối tiếp nhận và trả kết quả là cơ quan đăng ký doanh nghiệp. Đồng thời, pháp luật doanh nghiệp cần bổ sung quy định hướng dẫn về thủ tục giải thể đối với các doanh nghiệp hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Thứ hai, bổ sung quy định cho phép giãn thời gian thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp. Hiện nay, đối với các doanh nghiệp có quy mô lớn thì thời gian 06 tháng để hoàn thành việc thanh toán các khoản nợ là khá ngắn. Do vậy, đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định cho phép các doanh nghiệp giãn thời gian thanh lý các hợp đồng cũng như hoàn thành việc thanh toán các khoản nợ từ 6 tháng lên 9 tháng, kể từ ngày thông qua quyết định giải thể. Trường hợp đặc biệt, doanh nghiệp có thể gửi thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh xin gia hạn nhưng tối đa không quá 12 tháng.

Thứ ba, bãi bỏ yêu cầu doanh nghiệp phải nộp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong hồ sơ giải thể. Khi doanh nghiệp thực hiện thủ tục giải thể, một trong các thành phần của hồ sơ giải thể là phải có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Tuy nhiên, trên thực tế, có rất nhiều doanh nghiệp bị mất hoặc bị chiếm giữ trái phép Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, do vậy, không thể hoàn thiện được hồ sơ giải thể theo quy định.

Thứ tư, Nhà nước cần ban hành hướng dẫn cụ thể về khoản tiền tạm ứng chi phí giải thể và quy định về việc quản lý khoản tiền này. Hội đồng Thẩm phán TANDTC cần hướng dẫn cụ thể về việc Tòa án tiến hành thủ tục phá sản phải tạm ứng lệ phí phá sản và chi phí phá sản từ nguồn nào khi người lao động nộp đơn yêu cầu tuyên bố phá sản doanh nghiệp

Thứ năm, đối với việc tổ chức hội nghị chủ nợ và thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh, để nâng cao tính khả thi trong việc áp dụng quy định của luật bảo vệ quyền lợi cho các chủ thể có lợi ích đối kháng nhau trong cùng một quan hệ xã hội, trong tương lai

gần cần thay đổi tư duy xây dựng pháp luật phá sản theo hướng tách thành 02 luật riêng biệt là Luật phục hồi hoạt động kinh doanh và Luật về thanh toán tài sản phá sản để có thể điều chỉnh một cách sát sao, cụ thể, đáp ứng được quyền và lợi ích của các chủ thể có liên quan.

Thứ sáu pháp luật cần quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan nhà nước (thuế, đăng ký doanh nghiệp...) trong việc thông báo doanh nghiệp rơi vào tình trạng giải thể gửi tới tòa án.

Trên thực tế, ranh giới giữa doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản và doanh nghiệp trong tình trạng giải thể là không thật sự rõ ràng, tuy nhiên trong quá trình theo dõi hoạt động của doanh nghiệp hoặc giải quyết thủ tục giải thể cho doanh nghiệp, cơ quan nhà nước, đặc biệt là cơ quan thuế có thể nắm được doanh nghiệp nào rơi vào tình trạng phá sản. Tuy nhiên Luật Doanh nghiệp và Luật Phá sản hiện nay chưa nêu rõ trách nhiệm của các cơ quan này trong việc thông báo tới cơ quan thụ lý giải quyết thủ tục phá sản theo quy định. Vì vậy, pháp luật về thuế và đăng ký doanh nghiệp cần sửa đổi, bổ sung quy định về trách nhiệm của các cơ quan nhà nước đặc biệt là cơ quan thuế trong việc thông báo tới tòa án về trường hợp doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản.

3.2. Các giải pháp hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về giải thể của doanh nghiệp Việt Nam

3.2.1. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật

Một là, cần tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền phổ biến các quy định pháp luật về chấm dứt doanh nghiệp nhằm nâng cao hiểu biết và ý thức chấp hành pháp luật của doanh nghiệp. Việc tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn các quy định pháp luật về giải thể, phá sản doanh nghiệp có thể thực hiện thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng, các đợt phổ biến tập huấn cho các đối tượng là doanh nghiệp hoặc ngay tại các cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế khi doanh nghiệp đến làm thủ tục giải thể, phá sản doanh nghiệp. Doanh nghiệp cần ý thức được rằng việc thực thi đầy đủ các quy định về giải thể, phá sản cũng là giải pháp giúp doanh nghiệp thoát ra khỏi tình trạng bế tắc về tài chính. Việc lựa chọn các thủ tục chấm dứt doanh nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật giúp cho doanh nghiệp có thể rút lui khỏi thị trường một cách trật tự, thay vì việc bỏ trốn hay tình trạng giải thể “treo” như cách nhiều doanh nghiệp hiện nay đang làm.

Hai là, kiện toàn nguồn nhân lực, bộ máy tổ chức để nâng cao vai trò và tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan có liên quan trong việc tiến hành thủ tục chấm dứt doanh nghiệp.

Kiện toàn nguồn nhân lực, bộ máy tổ chức của các cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế nhằm giảm tải khối lượng công việc cho các cơ quan này trong việc giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định mới. Bên cạnh đó, Nhà nước cần nâng cao năng lực, trình độ của đội ngũ cán bộ thực thi pháp luật phá sản như: các thẩm phán, quản tài viên... TAND cần định kỳ tổ chức các hội thảo chuyên đề, khóa đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao trình độ nghiệp vụ của thẩm phán, thư ký tòa án trong việc giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản; cần có kế hoạch đào tạo thẩm phán chuyên trách về án kinh tế nói chung và giải quyết các vụ việc phá sản nói riêng. Cần xây dựng chương trình đào tạo và cấp chứng chỉ quản tài viên.

Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan có liên quan trong việc tiến hành thủ tục giải thể cho doanh nghiệp, đặc biệt là sự phối hợp giữa cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế và cơ quan công an. Trong phạm vi địa phương, sự phối hợp giải quyết thủ tục hành chính trong giải thể doanh nghiệp cần được đánh giá một cách khách quan, toàn diện, có sự so sánh với kết quả thực thi của các địa phương khác trong cả nước nhằm mục tiêu nâng cao hơn nữa tinh thần thực thi công vụ.

Định kỳ tiến hành khảo sát, đánh giá tác động của thủ tục hành chính, phát hiện tồn tại, vướng mắc trong cơ chế, chính sách cũng như công tác tổ chức thực hiện, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp thực hiện thủ tục giải thể, đảm bảo hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và sự tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp.

Bốn là, hoàn thiện nền tảng công nghệ để phát huy vai trò của Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia trong việc là đầu mối cung cấp thông tin pháp lý chính thống về đăng ký doanh nghiệp nói chung, thông tin về giải thể doanh nghiệp nói riêng, đảm bảo minh bạch hóa thông tin về các doanh nghiệp.

Việc hoàn thiện nền tảng công nghệ thông tin sẽ là cơ sở để các tổ chức, cá nhân bao gồm người dân, doanh nghiệp, đối tác và cả các cơ quan quản lý nhà nước có thể dễ dàng tiếp cận các thông tin chính xác về tình trạng pháp lý của doanh nghiệp, đồng thời, giúp phát huy vai trò giám sát của xã hội đối với doanh nghiệp. Điều này đặc biệt có ý nghĩa trong việc thực hiện thủ tục giải thể của doanh nghiệp.

Năm là, để hạn chế tình trạng chủ doanh nghiệp bỏ trốn và để lại doanh nghiệp trong tình trạng mất khả năng thanh toán cũng như vi phạm các quyền lợi của người lao động, Nhà nước cần có các biện pháp giám sát đối với doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp có chủ sở hữu là người nước ngoài khi bắt đầu có tình trạng chậm trả lương người lao động, nợ bảo hiểm xã hội, nợ thuế... Những biện pháp này không chỉ đảm bảo chủ doanh nghiệp thực hiện nghiêm túc trách nhiệm của mình đối với người lao động và các đối tác mà còn giúp giảm thiểu xuống mức thấp nhất những thiệt hại mà việc doanh nghiệp hoạt động không hiệu quả có thể gây ra đối với người lao động.

Sáu là, thực hiện đồng thời thủ tục giải thể doanh nghiệp với giải thể đơn vị phụ thuộc như: chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh. Bên cạnh đó, thực hiện liên thông, đồng thời thủ tục đóng mã số thuế doanh nghiệp với mã số thuế đơn vị phụ thuộc.

Bảy là, quy rõ trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc thông báo doanh nghiệp rơi vào tình trạng giải thể gửi tới tòa. Đồng thời, quy định rõ sự phối hợp giữa các cơ quan thuế, hải quan trong thực hiện xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp.

Tám là, về điều kiện giải thể: cần quy định điều kiện giải thể theo hướng mở rộng, thông thoáng hơn, nhằm tạo điều kiện cho những doanh nghiệp muốn giải thể được thực hiện thủ tục giải thể. Ngoài ra, cũng cần cân nhắc vấn đề “nghĩa vụ khác” đã nêu ở phần hạn chế.

Chín là, sửa đổi bổ sung quy định về trình tự, thủ tục giải thể doanh nghiệp. Bên cạnh trình tự, thủ tục chung về giải thể doanh nghiệp, các cơ quan có thẩm quyền cần nghiên cứu bổ sung quy định “thủ tục đặc biệt” để giải quyết trường hợp tiến hành giải thể khi bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà doanh nghiệp bị giải thể không bảo đảm đủ tài sản để thanh toán hết các khoản nợ, chẳng hạn như cơ chế mua bán nợ của các tổ chức tín dụng.

Quy định này nhằm để doanh nghiệp rơi vào tình trạng giải thể rút lui khỏi thị trường một cách có trật tự, tránh tình trạng kéo dài như hiện nay, góp phần tạo môi trường kinh doanh thương mại ổn định. Đồng thời, đây cũng là điều kiện để các chủ sở hữu công ty, chủ doanh nghiệp tư nhân, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp,... có thể sớm quay lại thị trường. Ví dụ như: Cần bổ sung quy định về thủ tục

thanh toán nợ có bảo đảm nhằm bảo đảm quyền lợi hợp pháp của chủ nợ có bảo đảm, pháp luật cần quy định mềm dẻo thời hạn thanh toán các khoản nợ, thanh lý hợp đồng để phù hợp hơn với thực tế nhằm tránh các vướng mắc đã nêu. Ngoài ra, pháp luật cũng cần quy định thêm những cách thức để cơ quan đăng ký kinh doanh có thể căn cứ vào đó tiến hành kiểm tra tính chính xác về nội dung trong hồ sơ giải thể doanh nghiệp.

Mười là, theo quy định hiện hành của Luật Doanh nghiệp, chưa có chế tài đủ sức răn đe đối với chủ, đại diện theo pháp luật không chịu chấp hành các quy định về giải thể. Do đó, cần sửa đổi Luật Doanh nghiệp theo hướng tăng chế tài xử phạt. Đồng thời, cần bổ sung các quy định về xử phạt đối với một số trường hợp còn thiếu sót đã đề cập ở phần hạn chế. Tăng chế tài xử lý đối với các trường hợp không thực hiện thủ tục giải thể doanh nghiệp ngừng hoạt động.

Pháp luật có quy định về chế tài trong trường hợp hồ sơ giải thể không chính xác, giả mạo theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 210 Luật Doanh nghiệp năm 2020. Tuy nhiên, chưa có quy định về chế tài trong trường hợp không thực hiện thủ tục giải thể khi đã đầy đủ cơ sở, hội đủ các điều kiện để giải thể nói chung, cũng như trong trường hợp giải thể khi bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nói riêng. Vì vậy, thời gian tới, cần bổ sung chế tài đối với hành vi cố tình không thực hiện thủ tục giải thể khi đủ cơ sở, điều kiện giải thể. Cần bổ sung quy định cụ thể về việc xác định thời gian phát sinh sự kiện pháp lý đối với Quyết định giải thể của doanh nghiệp, khuyến nghị theo hướng: thời gian được xác định khi Cơ quan đăng ký kinh doanh nhận được Quyết định giải thể của doanh nghiệp hoặc hết thời hạn 10 ngày, kể từ ngày doanh nghiệp nhận được quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; đồng thời trong thời hạn 01 ngày kể từ nhận được Quyết định giải thể của doanh nghiệp hoặc sau thời hạn 10 ngày, kể từ ngày doanh nghiệp nhận được quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Cơ quan đăng ký kinh doanh phải cập nhật tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Quy định trên vừa bảo đảm tính hiệu lực của Điều 211 Luật Doanh nghiệp năm 2020 đối với các hoạt động của doanh nghiệp khi có Quyết định giải thể; đồng thời bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của các chủ thể trong hoạt động kinh doanh thương mại, cũng như các chủ thể khác có liên quan.

Để tăng ý thức, trách nhiệm của chủ doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật trong việc tuân thủ pháp luật, cũng như có cơ chế pháp lý rõ ràng cho các cơ quan nhà

nước có thẩm quyền quản lý những đối tượng này, cần thiết lập và quy định rõ các biện pháp chế tài đối với chủ doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp trong trường hợp không tuân thủ quy định về giải thể doanh nghiệp khi doanh nghiệp đã rơi vào tình trạng khó khăn, phải tạm ngừng hoạt động. Có thể tham khảo một số biện pháp chế tài sau đây: Cấm thành lập công ty mới, cấm đảm nhiệm chức vụ người đại diện theo pháp luật trong một thời gian nhất định, cấm góp vốn vào các công ty khác,...; với các trường hợp chủ doanh nghiệp bỏ trốn trong khi vẫn còn nghĩa vụ tài chính chưa thực hiện, cơ quan thuế có trách nhiệm gửi thông báo sang cơ quan Công an tỉnh và cơ quan đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đăng ký hoạt động để phối hợp theo dõi, quản lý chặt chẽ các đối tượng.

KẾT LUẬN

Sự giải thể của một số doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường đã được coi là một hiện tượng tất yếu, và pháp luật về giải thể doanh nghiệp được coi là một bộ phận quan trọng trong hệ thống thể chế kinh tế thị trường. Việc hoàn thiện pháp luật về giải thể doanh nghiệp có ý nghĩa quan trọng trong hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường ở Việt Nam. Trong bối cảnh Việt Nam tham gia ngày càng sâu, rộng vào hoạt động thương mại quốc tế và ký kết ngày càng nhiều các cam kết quốc tế song phương, đa phương, pháp luật về chấm dứt doanh nghiệp và cũng như cơ chế thực thi các chế định pháp luật về chấm dứt doanh nghiệp ngày cần được hoàn thiện theo hướng đáp ứng các yêu cầu của hội nhập quốc tế.

Việc nghiên cứu đề tài cho thấy kể từ sau đổi mới, pháp luật về chấm dứt doanh nghiệp ở Việt Nam đã phát triển và đáp ứng ngày càng tốt hơn các chuẩn mực chung của thể chế kinh tế thị trường. Pháp luật về giải thể, phá sản ở Việt Nam trong nhiều năm qua đã có những tác động tích cực trong tạo lập môi trường kinh doanh lành mạnh, thuận lợi, bình đẳng. Tuy nhiên, như đề tài đã chỉ ra, còn nhiều những vướng mắc, bất cập cả về mặt pháp luật và thực thi, cả ở phía cơ quan nhà nước và doanh nghiệp. Những vướng mắc, bất cập này đã gây ra những hệ lụy nhất định ảnh hưởng đến lợi ích của các bên trên thị trường. Trong khuôn khổ nghiên cứu này, nhóm nghiên cứu cũng đã đề xuất một số giải pháp để khắc phục những bất cập này với mong muốn góp phần hoàn thiện pháp luật và cơ chế thực thi pháp luật về chấm dứt doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế ở Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. Tài liệu trong nước

1. Luật Doanh nghiệp 2014, 2020
2. Nghị định 01/2021/NĐ-CP về Đăng ký kinh doanh
3. Nghị định số 50/2016/NĐ-CP ngày 01/06/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư quy định
4. Nghị định 122/2021/NĐ-CP Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư.
5. TS. Nguyễn Thị Dung, “Thực trạng pháp luật về giải thể doanh nghiệp- Một số đánh giá và kiến nghị”, Tạp chí Luật học số 10/2012;
6. TS. Nguyễn Thị Dung, “Thực trạng pháp luật về giải thể doanh nghiệp- Một số đánh giá và kiến nghị”, Tạp chí Luật học số 10/2012;

B. Tài liệu nước ngoài

7. Luật Công ty cổ phần (Akticngcsctz) năm 1965;
8. Luật Công ty 2006, Vương quốc Anh;
9. Luật về mất khả năng thanh toán (phá sản) của Liên bang Nga năm 2002, sửa đổi bổ sung năm 2014;
10. Luật Phá sản doanh nghiệp của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa năm 2006
11. Luật Phá sản của Séc- Điều. 3 Bản tiếng Anh: Insolvency Act - Wolters Kluwer Czech – 2011;
12. Charles Jordan Tabb, 1995. The history of bankruptcy law in United states. Abi Law Review, Vol 3:5;
13. R Goode, Principles of Corporate Insolvency Law (3rd edn Thomson, London 2005);
14. A Keay and P Walton, Insolvency Law: Corporate and Personal (2nd edn Jordans, London 2008);
15. Arthur Machen, Corporate Personality, Harvard Law Review (1911) Vol. 24, No. 4 (part 1) and 5 (part 2);

C. Nguồn Internet

16. <https://tuvanvietluat.vn/tu-van/giai-the-la-gi-giai-the-doanh-nghiep-la-gi>
17. <https://luatcongty.vn/giai-the-doanh-nghiep-quy-dinh-can-biet/>

18. <https://thuongtruong.com.vn/news/hon-85-nghin-doanh-nghiep-giai-the-trong-8-thang-nam-2021-64058.html>
19. <https://kinhtevadubao.vn/thuc-trang-doanh-nghiep-rut-lui-khoi-thi-truong-qua-so-lieu-doanh-nghiep-8-thang-dau-nam-2021-20407.html>
20. Công Thông tin Bộ Kế hoạch và đầu tư,
<http://www.mpi.gov.vn/congkhaithongtin/Pages/solieudoanhnghiep.aspx?nam=2017;>
21. <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/hoan-thien-cac-quy-dinh-cua-luat-doanh-nghiep-hien-hanh-ve-giai-the-doanh-nghiep-84287.htm#:~:text=Th%E1%BB%B1c%20tr%E1%BA%A1ng%20gi%E1%BA%A3i%20th%E1%BB%83%20doanh,9%25%20so%20v%E1%BB%9Bi%20n%C4%83m%20tr%C6%B0%E1%BB%9Bc.>